

Bài 1 (6 điểm). Cho biểu thức $P = \frac{3x + \sqrt{9x} - 3}{x + \sqrt{x} - 2} - \frac{\sqrt{x} + 1}{\sqrt{x} + 2} + \frac{\sqrt{x} - 2}{1 - \sqrt{x}}$.

- Rút gọn biểu thức P .
- Tìm x để giá trị của biểu thức P bằng 3.
- Tìm tất cả các giá trị nguyên của x để giá trị của biểu thức P là số nguyên.

Bài 2 (2 điểm). Tìm a, b sao cho đa thức $P(x) = x^4 + (a - 1)x^2 + b - 2$ chia hết cho đa thức $Q(x) = x^2 + x + 1$.

Bài 3 (3 điểm). Gọi X là tập hợp tất cả các số tự nhiên có hai chữ số. Chọn ngẫu nhiên một phân tử trong tập hợp X . Tính xác suất của các biến cố sau:

- A : “Phân tử được chọn là số tự nhiên có hai chữ số khác nhau”.
- B : “Phân tử được chọn là số tự nhiên chia hết cho 4”.

Bài 4 (2 điểm).

a. Chứng minh rằng $25n + 7$ và $15n + 4$ là hai số nguyên tố cùng nhau với mọi số tự nhiên n .

b. Tìm nghiệm nguyên của phương trình $x^4 - y^4 = 3y^2 + 1$.

Bài 5 (6 điểm). Cho tam giác nhọn ABC có hai đường cao BD và CE cắt nhau tại điểm H . Tia phân giác của góc \widehat{EHB} cắt cạnh AB tại điểm I . Tia phân giác của góc \widehat{DHC} cắt cạnh AC tại điểm K . Kẻ đường thẳng Ix vuông góc với đường thẳng AB tại điểm I , kẻ đường thẳng Ky vuông góc với đường thẳng AC tại điểm K . Gọi M là giao điểm của Ix và Ky .

a. Chứng minh rằng tam giác AIK là tam giác cân.

b. Chứng minh rằng $EI \cdot KC = DK \cdot IB$.

c. Gọi J là giao điểm của hai đường thẳng HM và BC . Chứng minh rằng J là trung điểm của cạnh BC .

Bài 6 (1 điểm). Trên mặt bàn có 99 đồng xu có hình dạng, kích thước như nhau. Mỗi đồng xu có hai mặt, một mặt màu xanh, mặt còn lại màu đỏ. Lúc đầu, 99 đồng xu đều ngửa mặt màu xanh. Bạn Nam thực hiện trò chơi như sau: Mỗi lượt chơi, Bạn Nam chọn ra 4 đồng xu bất kỳ rồi đổi lại mặt của 4 đồng xu đó. Hỏi sau 2025 lượt chơi, Bạn Nam có thể tạo được 99 đồng xu đều ngửa mặt màu đỏ không? Giải thích.

----- Hết -----

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên..... SBD.....

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI MÔN TOÁN

I. Hướng dẫn chung

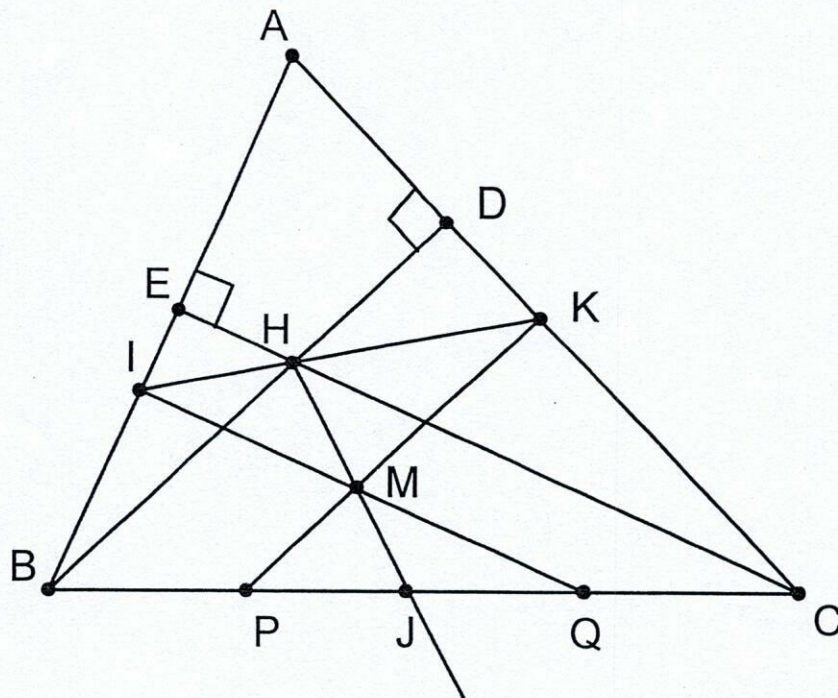
- Nếu học sinh làm bài không theo cách nêu trong đáp án nhưng đúng thì cho đủ số điểm từng phần như hướng dẫn quy định.
- Việc chi tiết hóa (nếu có) thang điểm trong hướng dẫn chấm phải bảo đảm không làm sai lệch hướng dẫn chấm và phải được thống nhất thực hiện trong tổ chấm.

II. Đáp án và thang điểm

Bài	Nội dung	Điểm
Bài 1 (6đ)	Cho biểu thức $P = \frac{3x + \sqrt{9x} - 3}{x + \sqrt{x} - 2} - \frac{\sqrt{x} + 1}{\sqrt{x} + 2} + \frac{\sqrt{x} - 2}{1 - \sqrt{x}}$. a. Rút gọn biểu thức P .	3.0
	Điều kiện xác định của biểu thức P là $\begin{cases} x \geq 0 \\ x \neq 1 \end{cases}$.	0.5
	$P = \frac{3x + 3\sqrt{x} - 3}{(\sqrt{x} - 1)(\sqrt{x} + 2)} - \frac{(\sqrt{x} + 1)(\sqrt{x} - 1)}{(\sqrt{x} - 1)(\sqrt{x} + 2)} + \frac{(\sqrt{x} - 2)(\sqrt{x} + 2)}{(1 - \sqrt{x})(\sqrt{x} + 2)}$	0.5
	$= \frac{3x + 3\sqrt{x} - 3 - (x - 1) - (x - 4)}{(\sqrt{x} - 1)(\sqrt{x} + 2)}$	0.5
	$= \frac{x + 3\sqrt{x} + 2}{(\sqrt{x} - 1)(\sqrt{x} + 2)}$	0.5
	$= \frac{(\sqrt{x} + 1)(\sqrt{x} + 2)}{(\sqrt{x} - 1)(\sqrt{x} + 2)}$	0.5
	$= \frac{\sqrt{x} + 1}{\sqrt{x} - 1}$	0.5
	b. Tìm x để giá trị của biểu thức P bằng 3.	1.5
	Ta có $\frac{\sqrt{x} + 1}{\sqrt{x} - 1} = 3$ $\sqrt{x} + 1 = 3\sqrt{x} - 3$	0.5
	$\sqrt{x} = 2$	0.5
	$x = 4$ (thỏa mãn điều kiện). Vậy với $x = 4$ thì giá trị của biểu thức P bằng 3.	0.5
c. Tìm tất cả các giá trị nguyên của x để giá trị của biểu thức P là số nguyên.	1.0	

	Ta có $P = \frac{\sqrt{x}-1+2}{\sqrt{x}-1} = 1 + \frac{2}{\sqrt{x}-1}$	0.25
	Với giá trị nguyên của x để giá trị của biểu thức P là số nguyên ta có giá trị của $(\sqrt{x}-1)$ là ước của 2. Khi đó xảy ra các trường hợp sau: $\sqrt{x}-1 = -2$ $\sqrt{x} = -1$ (không thỏa mãn).	0.25
	$\sqrt{x}-1 = -1$ $x = 0$ (thỏa mãn điều kiện).	0.25
	$\sqrt{x}-1 = 1$ $x = 4$ (thỏa mãn điều kiện).	0.25
	$\sqrt{x}-1 = 2$ $x = 9$ (thỏa mãn điều kiện).	0.25
	Vậy $x = 0, x = 4, x = 9$ là các giá trị nguyên của x để giá trị của biểu thức P là số nguyên.	0.25
Bài 2 (2đ)	Tìm a, b sao cho đa thức $P(x) = x^4 + (a-1)x^2 + b - 2$ chia hết cho đa thức $Q(x) = x^2 + x + 1$.	2.0
	Thực hiện phép chia đa thức $P(x)$ cho đa thức $Q(x)$ ta có: $P(x) = Q(x)(x^2 - x + a - 1) + (2 - a)x + b - a - 1$.	1.0
	Để đa thức $P(x)$ chia hết cho đa thức $Q(x)$ ta có: $\begin{cases} 2 - a = 0 \\ b - a - 1 = 0 \end{cases}$	0.5
	$\begin{cases} a = 2 \\ b = 3 \end{cases}$ Vậy $a = 2, b = 3$ thỏa mãn yêu cầu bài toán.	0.5
Bài 3 (3đ)	Gọi X là tập hợp tất cả các số tự nhiên có hai chữ số. Chọn ngẫu nhiên một phần tử trong tập hợp X . Tính xác suất của các biến cố sau: a. A : “Phần tử được chọn là số tự nhiên có hai chữ số khác nhau”.	1.5
	Vì X là tập hợp tất cả các số tự nhiên có hai chữ số nên số phần tử của tập hợp X là 90 số. Khi chọn ngẫu nhiên một phần tử của tập hợp X thì số kết quả có thể xảy ra là 90.	0.5
	Các số tự nhiên có hai chữ số mà cả hai chữ số giống nhau là: 11; 22; 33; 44; 55; 66; 77; 88; 99. Vậy có: $90 - 9 = 81$ số tự nhiên có hai chữ số mà cả hai chữ số khác nhau. Số các kết quả thuận lợi cho biến cố A là: 81.	0.5
	Xác suất xảy ra biến cố A là $P(A) = \frac{81}{90} = \frac{9}{10}$.	0.5
	b. B : “Phần tử được chọn là số tự nhiên chia hết cho 4”.	1.5

	Số tự nhiên chia hết cho 4 có dạng: $4k$ ($k \in \mathbb{N}$). Ta có $10 \leq 4k \leq 99$. Suy ra $\frac{5}{2} \leq k \leq \frac{99}{4}$. Suy ra $k \in \{3; 4; \dots; 24\}$.	0.5
	Có 22 giá trị của k thỏa mãn. Vậy có 22 số tự nhiên (có hai chữ số) chia hết cho 4. Số các kết quả thuận lợi cho biến cố B là: 22.	0.5
	Xác suất xảy ra biến cố B là $P(B) = \frac{22}{90} = \frac{11}{45}$.	0.5
Bài 4 (2đ)	a. Chứng minh rằng $25n+7$ và $15n+4$ là hai số nguyên tố cùng nhau với mọi số tự nhiên n .	1.0
	Gọi d là ước chung lớn nhất của $25n+7$ và $15n+4$ Khi đó $\begin{cases} (25n+7):d \\ (15n+4):d \end{cases}$	0.25
	Suy ra $[3(25n+7) - 5(15n+4)]:d$	0.25
	Hay $1:d$.	0.25
	Suy ra $d=1$. Vậy $25n+7$ và $15n+4$ là hai số nguyên tố cùng nhau với mọi số tự nhiên n .	0.25
	b. Tìm nghiệm nguyên của phương trình $x^4 - y^4 = 3y^2 + 1$.	1.0
	Ta có $x^4 - y^4 = 3y^2 + 1$ $x^4 = y^4 + 3y^2 + 1$	0.25
	Mặt khác $(y^2 + 1)^2 \leq y^4 + 3y^2 + 1 < (y^2 + 2)^2$ Suy ra $y^4 + 3y^2 + 1 = (y^2 + 1)^2$ (vì $y^4 + 3y^2 + 1$ là số chính phương). $y = 0$.	0.25
	Với $y = 0$ ta có $x^4 = 1$ $x = 1$ hoặc $x = -1$.	0.25
	Vậy phương trình đã cho có các nghiệm nguyên là $(x; y) = (1; 0)$, $(x; y) = (-1; 0)$.	0.25



Bài 5 (6đ)	<p>Cho tam giác nhọn ABC có hai đường cao BD và CE cắt nhau tại điểm H. Tia phân giác của góc \widehat{EHB} cắt cạnh AB tại điểm I. Tia phân giác của góc \widehat{DHC} cắt cạnh AC tại điểm K. Kẻ đường thẳng l_x vuông góc với đường thẳng AB tại điểm I, kẻ đường thẳng l_y vuông góc với đường thẳng AC tại điểm K. Gọi M là giao điểm của l_x và l_y.</p> <p>a. Chứng minh rằng tam giác AIK là tam giác cân.</p>	3.0
	<p>Vì HI, HK tương ứng là phân giác của $\widehat{EHB}, \widehat{DHC}$ nên ta có:</p> $\widehat{EHI} = \frac{1}{2}\widehat{EHB}, \quad \widehat{DHK} = \frac{1}{2}\widehat{DHC}.$	0.5
	<p>Mặt khác, $\widehat{EHB} = \widehat{DHC}$ (đối đỉnh).</p>	0.5
	<p>Suy ra $\widehat{EHI} = \widehat{DHK}$.</p>	0.5
	<p>Ta lại có: $\widehat{EIH} + \widehat{EHI} = 90^\circ, \quad \widehat{DKH} + \widehat{DHK} = 90^\circ$.</p>	0.5
	<p>Suy ra $\widehat{EIH} = \widehat{DKH}$.</p>	0.5
	<p>Suy ra tam giác AIK cân tại A.</p>	0.5
	<p>b. Chứng minh rằng $EI \cdot KC = DK \cdot IB$.</p>	1.5
	<p>ΔHEB đồng dạng với ΔHDC (g.g).</p>	0.25
	<p>Suy ra $\frac{EH}{BH} = \frac{DH}{CH}$.</p>	0.25
	<p>Áp dụng tính chất của đường phân giác ta có:</p> $\frac{IE}{IB} = \frac{EH}{BH}.$	0.25

	$\frac{KD}{KC} = \frac{DH}{CH}$.	0.25
	Suy ra $\frac{IE}{IB} = \frac{KD}{KC}$. (1)	0.25
	Suy ra $EI \cdot KC = DK \cdot IB$.	0.25
	c. Gọi J là giao điểm của hai đường thẳng HM và BC . Chứng minh rằng J là trung điểm của cạnh BC .	1.5
	Gọi P, Q tương ứng là giao điểm của hai đường thẳng KM, IM với cạnh BC Vì $\begin{cases} PK \perp AC \\ BD \perp AC \end{cases}$ nên $BD \parallel PK$. Suy ra $\frac{DK}{KC} = \frac{BP}{PC}$. (2)	0.25
	Vì $\begin{cases} IQ \perp AB \\ CE \perp AB \end{cases}$ nên $IQ \parallel CE$. Suy ra $\frac{EI}{IB} = \frac{CQ}{QB}$. (3)	0.25
	Từ (1), (2), (3) suy ra $\frac{BP}{PC} = \frac{CQ}{QB}$.	0.25
	Suy ra $\frac{BP}{BP+PC} = \frac{CQ}{CQ+QB}$ Hay $\frac{BP}{BC} = \frac{CQ}{BC}$. Do đó $BP = CQ$.	0.25
	Vì $MP \parallel HB$ nên $\frac{JM}{MH} = \frac{JP}{PB}$. Vì $MQ \parallel CH$ nên $\frac{JM}{MH} = \frac{JQ}{QC}$.	0.25
	Suy ra $\frac{JQ}{QC} = \frac{JP}{PB}$. Vì $BP = CQ$ nên $JQ = JP$. Suy ra J là trung điểm của cạnh BC .	0.25
Bài 6 (1đ)	Trên mặt bàn có 99 đồng xu có hình dạng, kích thước như nhau. Mỗi đồng xu có hai mặt, một mặt màu xanh, mặt còn lại màu đỏ. Lúc đầu, 99 đồng xu đều ngửa mặt màu xanh. Bạn Nam thực hiện trò chơi như sau: Mỗi lượt chơi, Bạn Nam chọn ra 4 đồng xu bất kỳ rồi đổi lại mặt của 4 đồng xu đó. Hỏi sau 2025 lượt chơi, Bạn Nam có thể tạo được 99 đồng xu đều ngửa mặt màu đỏ không? Giải thích.	1.0

	<p>Xét tại một thời điểm bất kỳ, trên mặt bàn có x đồng xu ngửa mặt màu xanh và y đồng xu ngửa mặt màu đỏ.</p> <p>Bạn Nam chọn ra 4 đồng xu bất kỳ. Trong 4 đồng xu đó, gọi n là số đồng xu ngửa mặt màu xanh, $4-n$ là số đồng xu ngửa mặt đỏ ($0 \leq n \leq 4$).</p> <p>Sau khi đổi lại mặt của n đồng xu ngửa mặt màu xanh, $4-n$ đồng xu ngửa mặt màu đỏ thì trên bàn có $x - n + 4 - n = x + 4 - 2n$ đồng xu ngửa mặt màu xanh và $y - (4 - n) + n = y + 2n - 4$ đồng xu ngửa mặt màu đỏ.</p>	0.25
	<p>Ta có: $x - (x + 4 - 2n) = 2n - 4$.</p> <p>Vậy sau mỗi lượt chơi, số đồng xu ngửa mặt màu xanh đã thay đổi (tăng hoặc giảm) một số chẵn đồng xu.</p>	0.25
	<p>Lúc đầu, 99 đồng xu đều ngửa mặt màu xanh nên sau 2025 lượt chơi, số đồng xu ngửa mặt màu xanh phải là số lẻ.</p>	0.25
	<p>Do đó, không thể tạo được 99 đồng xu đều ngửa mặt màu đỏ.</p>	0.25

-HẾT-

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1 (8,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau:

“... Tôi thích hình ảnh ngọn hải đăng. Những ngọn hải đăng đứng yên, đêm đêm sáng lên, để người lái tàu nào cũng có thể nhìn thấy từ ngoài biển khơi và biết đó là bờ, biết đó là đích đến.

Người ta cần có một ngọn hải đăng trong tâm hồn mình.

Ngọn hải đăng của tôi là niềm tin cậy vào cuộc đời có trước có sau, trao yêu thương để nhận yêu thương, chân thành, tha thiết, hết lòng”

(Than đở dưới tro tàn, Đỗ Bích Thúy, NXB Hội nhà văn, 2023, tr 7)

Câu 2 (12,0 điểm)

“ ... hoặc hình dung sự sống, hoặc sáng tạo ra sự sống, nguồn gốc của văn chương là tình cảm, là lòng vị tha. Và vì thế, công dụng của văn chương cũng là giúp cho tình cảm và gọi lòng vị tha”

(dẫn theo Sách giáo khoa Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, trang 39)

Bằng trải nghiệm văn học và cuộc sống, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên./.

----- HẾT -----

Họ và tên thí sinh: SBD.....

HƯỚNG DẪN CHẤM THI CHỌN HỌC SINH GIỎI

Năm học 2024 - 2025

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 9 THCS

A. Hướng dẫn chung

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá đúng bài làm của thí sinh. Tránh cách chấm đếm ý cho điểm.
- Khi vận dụng đáp án và thang điểm, giám khảo cần vận dụng chủ động, linh hoạt với tinh thần trân trọng bài làm của thí sinh. Đặc biệt là những bài viết có cảm xúc, có ý kiến riêng thể hiện sự độc lập, sáng tạo trong tư duy và trong cách thể hiện.
- Nếu có việc chi tiết hóa các ý cần phải đảm bảo không sai lệch với tổng điểm và được thống nhất trong toàn Hội đồng chấm thi.
- Điểm toàn bài là tổng điểm của các câu hỏi trong đề thi, chấm điểm lẻ đến 0,25 và không làm tròn.

B. Đáp án và thang điểm

Câu 1 (8,0 điểm)

I. Yêu cầu cần đạt

1. Yêu cầu về kỹ năng

- Thí sinh nắm vững kỹ năng làm bài nghị luận xã hội, vận dụng nhuần nhuyễn các thao tác lập luận để làm sáng tỏ yêu cầu của đề bài và nêu suy nghĩ của bản thân.
- Bố cục mạch lạc, kết cấu chặt chẽ, thuyết phục.
- Hành văn sáng rõ, có sức truyền cảm; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; chữ viết sạch đẹp.

2. Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể có những cách trình bày khác nhau, song cần đáp ứng được những yêu cầu sau:

Ngọn hải đăng: Hình ảnh ngọn đèn biển, chỉ dẫn bằng ánh sáng cho mọi tàu thuyền không lạc lối giữa mênh mông biển cả từ đó có thể tìm đúng đường về đất liền.

- *Ngọn hải đăng trong tâm hồn:* ẩn dụ cho những điều tốt đẹp trong tâm hồn con người. Với tác giả, đó chính là: *niềm tin cậy vào cuộc đời có trước có sau, trao yêu thương để nhận yêu thương, chân thành, tha thiết, hết lòng*

- *Người ta cần có ngọn hải đăng trong tâm hồn:* để soi sáng, nhắc nhở ta kiên định với nhiều đúng đắn, đẹp đẽ, để không lạc lối, sai đường.

- Cuộc sống ngày càng trở nên phức tạp và nhiều cám dỗ, dễ khiến con người bị lung lạc tinh thần vì thế con người cần một “*ngọn hải đăng*” chiếu sáng tâm hồn để không bị “*mất phương hướng*” trong cuộc đời, không bị những cám dỗ làm cho u mê,

lạc lối. *Ngọn hải đăng* đó sẽ khiến con người hướng đến những điều cao đẹp, tốt lành.

- Để ánh sáng của *ngọn hải đăng* luôn tỏa rạng trong tâm hồn, trở thành nguồn sáng có ý nghĩa, bản thân mỗi cá nhân phải luôn có ý thức suy nghĩ và hành động đúng đắn, kiên định theo những “*chỉ dẫn*” của “*ngọn hải đăng*”, như tác giả là *trao yêu thương để nhận yêu thương, chân thành, tha thiết, hết lòng*” (thí sinh có thể viết về *ngọn hải đăng* của riêng mình)

- Kiên định hướng theo “*ánh sáng*” “*ngọn hải đăng*” của tâm hồn mình, song mỗi cá nhân cũng cần rộng mở tâm hồn mình để đón nhận những “*ánh sáng*” tốt lành, đẹp đẽ để bản thân ngày càng trở nên hoàn thiện hơn.

* Chứng minh:

Thí sinh cần chọn dẫn chứng phù hợp, lập luận thuyết phục.

II. Biểu điểm

- **Điểm 7- 8:** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên, văn lưu loát; ý sâu sắc, sáng tạo; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, diễn đạt.

- **Điểm 5 - 6:** Đáp ứng được phần lớn những yêu cầu trên, văn trôi chảy, mạch lạc, dẫn chứng có chọn lọc, còn vài sai sót nhỏ.

- **Điểm 3 - 4:** Hiểu đúng vấn đề đặt ra nhưng ý chưa sâu sắc, còn mắc vài lỗi diễn đạt.

- **Điểm 1 - 2:** Hiểu vấn đề còn mơ hồ, ý sơ sài, văn chưa được mạch lạc.

- **Điểm 0:** Hiểu sai đề hoặc không làm bài.

Câu 2 (12,0 điểm)

I. Yêu cầu cần đạt

1. Yêu cầu về kỹ năng

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học. Thể hiện được năng lực cảm thụ văn chương của bản thân.

- Bố cục rõ ràng, mạch lạc, có khả năng khái quát, tổng hợp vấn đề.

- Diễn đạt trôi chảy, câu văn sáng rõ, giàu cảm xúc; không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.

2. **Yêu cầu về kiến thức:** Thí sinh có thể làm bài theo nhiều cách, song cần làm rõ được một số vấn đề sau:

a. Giải thích, bàn luận

- Văn chương là sản phẩm sáng tạo nghệ thuật bằng ngôn từ của nhà văn. Hiện thực cuộc sống được nhà văn phản ánh trong tác phẩm bắt nguồn từ tình yêu thương mãnh liệt, sự đồng cảm sâu sắc của nhà văn với con người, cuộc đời.

- Bằng tài năng nghệ thuật của mình, nhà văn sáng tạo ra “thế giới nghệ thuật” (cuộc sống, con người trong tác phẩm), gửi gắm vào đó tư tưởng, tình cảm của mình. Tác phẩm văn học vì thế là vẻ đẹp hài hòa giữa nội dung và hình thức của tác phẩm.

- Tác phẩm văn chương đem đến cho người đọc những hiểu biết phong phú về cuộc sống, xã hội, con người, những triết lí về cuộc sống; gợi lên ở người

đọc những tư tưởng, tình cảm phong phú; những cảm xúc thẩm mỹ cao đẹp; bồi đắp ở con người tình yêu, lòng vị tha...; hướng con người đến chân, thiện, mỹ.

b. Thí sinh làm sáng tỏ ý kiến bằng trải nghiệm của bản thân

Thí sinh lựa chọn tác phẩm văn học đặc sắc, bằng những trải nghiệm của bản thân khi đọc tác phẩm, bằng trải nghiệm cuộc sống của mình làm rõ các nội dung ở mục (a)

c. Thí sinh mở rộng, nâng cao vấn đề với tư cách là người tiếp nhận tác phẩm văn học.

II. Biểu điểm

- **Điểm 11 - 12:** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên, diễn đạt trôi chảy, có cảm xúc, khuyến khích bài làm có hiểu biết, suy nghĩ, cảm thụ sâu sắc, sáng tạo.

- **Điểm 9 - 10:** Đáp ứng phần lớn các yêu cầu trên, diễn đạt khá tốt, văn mạch lạc, trong sáng, còn mắc vài sai sót nhỏ.

- **Điểm 7 - 8:** Hiểu và nắm được yêu cầu đề, bố cục mạch lạc, vẫn có cảm xúc, có thể vẫn mắc một vài lỗi nhỏ về diễn đạt.

- **Điểm 5 - 6:** Hiểu và nắm được yêu cầu đề tuy chưa đáp ứng hết yêu cầu nhưng vẫn rõ trọng tâm, còn sai sót nhỏ về diễn đạt.

- **Điểm 3- 4:** Hiểu đề song khai thác chưa sâu, còn lúng túng khi giải quyết vấn đề, không xác định được trọng tâm, diễn đạt lủng củng, tối nghĩa.

- **Điểm 1 - 2:** Bài làm chỉ nêu được một vài kiến thức về tác phẩm song lan man, mắc nhiều lỗi diễn đạt.

- **Điểm 0 :** Hiểu sai đề hoặc không làm bài.

.....HẾT.....

UBND TP THÁI NGUYÊN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ CHÍNH THỨC

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 THCS

Năm học 2020 - 2021

MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 150 phút không kể thời gian giao đề

Câu 1 (8,0 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau:

“ Khi bạn tìm thấy mục đích sống thực sự, đam mê sẽ đến. Bạn sống để theo đuổi đam mê của mình”.

(Dẫn theo “Sống cho điều ý nghĩa hơn”- Nick Vujicic, NXB Tổng Hợp TP Hồ Chí Minh)

Câu 2 (12,0 điểm)

“ Nghệ thuật mở rộng khả năng của tâm hồn, làm cho con người vui buồn nhiều hơn, ... sống được nhiều hơn”.

(trích “Tiếng nói của văn nghệ”, Nguyễn Đình Thi, SGK Ngữ văn 9, tập hai, NXBGD Việt Nam 2017)

Bằng một tác phẩm đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 9, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên./.

----- HẾT -----

Họ và tên thí sinh: SBD.....

UBND TP THÁI NGUYÊN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HƯỚNG DẪN CHẤM THI CHỌN HỌC SINH GIỎI

Năm học 2020 - 2021

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 9 THCS

(Gồm có 03 trang)

A. Hướng dẫn chung

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá đúng bài làm của thí sinh. Tránh cách chấm đếm ý cho điểm.
- Khi vận dụng đáp án và thang điểm, giám khảo cần vận dụng chủ động, linh hoạt với tinh thần trân trọng bài làm của thí sinh. Đặc biệt là những bài viết có cảm xúc, có ý kiến riêng thể hiện sự độc lập, sáng tạo trong tư duy và trong cách thể hiện.
- Nếu có việc chi tiết hóa các ý cần phải đảm bảo không sai lệch với tổng điểm và được thống nhất trong toàn Hội đồng chấm thi.
- Điểm toàn bài là tổng điểm của các câu hỏi trong đề thi, chấm điểm lẻ đến 0,25 và không làm tròn.

B. Đáp án và thang điểm

Câu 1 (8,0 điểm)

I. Yêu cầu cần đạt

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh nắm vững kĩ năng làm bài nghị luận xã hội, vận dụng nhuần nhuyễn các thao tác lập luận để làm sáng tỏ yêu cầu của đề bài và nêu suy nghĩ của bản thân.
- Bố cục mạch lạc, kết cấu chặt chẽ, thuyết phục.

- Hành văn sáng rõ, có sức truyền cảm; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; chữ viết sạch đẹp.

2. Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể có những cách trình bày khác nhau, song cần đáp ứng được những yêu cầu sau:

- Giải thích, bình luận:

+ Mục đích sống: Là cái đích vạch ra để đạt được trong cuộc sống của mỗi người, là định hướng cho những điều sẽ đạt được trong hiện tại và tương lai...

+ Đam mê:

Là trạng thái ham thích, say mê, hứng thú đến cao độ của con người về một đối tượng trong cuộc sống hoặc một điều gì đó đến nỗi không thể rời bỏ...

Đam mê sẽ thôi thúc mỗi người vượt qua khó khăn để đạt được mục đích trong cuộc sống.

+ Ý kiến của Nick Vujicic bàn về mối quan hệ tác động qua lại giữa mục đích sống và đam mê. Mục đích sống đúng đắn sẽ hình thành đam mê đúng đắn. Nhờ có đam mê con người sẽ đạt được mục đích đề ra, cuộc sống trở nên ý nghĩa hơn.

+ Cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi con người sống có mục đích, có khát vọng theo đuổi những điều mình yêu thích.

- Chứng minh bằng dẫn chứng từ sách vở và thực tiễn cuộc sống.

- Thí sinh rút ra bài học về nhận thức và hành động cho bản thân.

Thí sinh có thể có nhiều cách nhìn nhận và thể hiện khác nhau nhưng bài viết cần đảm bảo sức thuyết phục, chặt chẽ và lôgic. Giám khảo căn cứ trên bài làm thực tế của thí sinh để đánh giá, cho điểm.

II. Biểu điểm

- **Điểm 7- 8:** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên, văn lưu loát; ý sâu sắc, sáng tạo; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, diễn đạt.

- **Điểm 5 - 6:** Đáp ứng được phần lớn những yêu cầu trên, văn trôi chảy, mạch lạc, dẫn chứng có chọn lọc, còn vài sai sót nhỏ.

- **Điểm 3 - 4:** Hiểu đúng vấn đề đặt ra nhưng ý chưa sâu sắc, còn mắc vài lỗi diễn đạt.

- **Điểm 1 - 2:** Hiểu vấn đề còn mơ hồ, ý sơ sài, văn chưa được mạch lạc.

- **Điểm 0:** Hiểu sai đề hoặc không làm bài.

Câu 2 (12,0 điểm)

I. Yêu cầu cần đạt

1. Yêu cầu về kỹ năng

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học. Thể hiện được năng lực cảm thụ văn chương của bản thân.

- Bố cục rõ ràng, mạch lạc, có khả năng khái quát, tổng hợp vấn đề.

- Diễn đạt trôi chảy, câu văn sáng rõ, giàu cảm xúc; không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.

2. Yêu cầu về kiến thức: Thí sinh có thể làm bài theo nhiều cách, song cần làm rõ được một số vấn đề sau:

a. Giải thích

- Thơ là do tình cảm sinh ra: Khởi phát của thơ, ngọn nguồn của thơ là tình cảm (thơ là “tiếng lòng”).

- Tình cảm chân thật trong thơ là nỗi lòng, cảm xúc chân thành của thi sĩ trước hiện thực cuộc sống. Đó có thể là niềm vui, nỗi buồn, hạnh phúc, khổ đau... Tình cảm ấy gắn liền với cảm hứng mãnh liệt của thi sĩ kết tinh lại trong thơ.

- Ý kiến của Viên Mai khẳng định vai trò của tình cảm trong thơ, tình cảm chân thật mới làm nên tác phẩm thơ có giá trị.

- Tình cảm trong thơ là tiếng lòng riêng của tác giả nhưng cũng là tiếng lòng, là trần trở suy tư của một lớp người, một thế hệ, một dân tộc, một thời đại.

b. Bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy:

- Những cảm xúc sâu lắng của nhà thơ về những kỷ niệm: thời thơ ấu với ánh trăng: là cậu bé tinh nghịch sống với bề với đồng, với ánh trăng thuần khiết; thời kháng chiến gian khổ: trăng là bạn tri kỷ, là người bạn tâm tình, hiền hòa, thủy chung ngõ không bao giờ có thể lãng quên.

- Cảm xúc rung rung xúc động khi đối diện với ánh trăng tình nghĩa: Ánh trăng tưởng đã bị lãng quên khi trở về với cuộc sống thời bình, giờ khiến con người thốn thức. Ánh trăng tròn vành vạnh, lặng im không trách móc nhưng là lời nhắc nhở nghiêm khắc: đừng bao giờ lãng quên qua khứ...

- Với những cảm xúc sâu lắng, chân thành bài thơ đã nêu lên một triết lý cao đẹp, một bài học về cuộc sống: đừng bao giờ lãng quên quá khứ.

* Bài thơ giản dị, ngắn gọn chứa đựng nhiều tâm sự sâu kín. Đó là những trần trở, băn khoăn của tác giả, của một lớp người (“đi ra” từ trong chiến tranh) về cuộc sống. Triết lý ở bài thơ được gửi gắm qua một câu chuyện thăm đượm những chiêm nghiệm, nếm trải của tác giả. Bởi vậy, bài thơ có sức lay động lòng người.

c. Thí sinh mở rộng, nâng cao vấn đề với tư cách là người tiếp nhận tác phẩm văn học.

II. Biểu điểm

- **Điểm 11 - 12:** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên, diễn đạt trôi chảy, có cảm xúc, khuyến khích bài làm có hiểu biết, suy nghĩ, cảm thụ sâu sắc, sáng tạo.

- **Điểm 9 - 10:** Đáp ứng phần lớn các yêu cầu trên, diễn đạt khá tốt, văn mạch lạc, trong sáng, còn mắc vài sai sót nhỏ.

- **Điểm 7 - 8:** Hiểu và nắm được yêu cầu đề, bố cục mạch lạc, vẫn có cảm xúc, có thể vẫn mắc một vài lỗi nhỏ về diễn đạt.

- **Điểm 5 - 6:** Hiểu và nắm được yêu cầu đề tuy chưa đáp ứng hết yêu cầu nhưng vẫn rõ trọng tâm, còn sai sót nhỏ về diễn đạt.

- **Điểm 3 - 4:** Hiểu đề song khai thác chưa sâu, còn lúng túng khi giải quyết vấn đề, không xác định được trọng tâm, diễn đạt lủng củng, tối nghĩa.

- **Điểm 1 - 2:** Bài làm chỉ nêu được một vài kiến thức về tác phẩm song lan man, mắc nhiều lỗi diễn đạt.

- **Điểm 0:** Hiểu sai đề hoặc không làm bài.

.....HẾT.....

UBND HUYỆN ĐỒNG HỖ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ CHÍNH THỨC

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN
LỚP 9 THCS NĂM HỌC 2024 - 2025

Môn: Tiếng Anh

(Thời gian làm bài 150 phút, không kể thời gian phát đề)

Họ và tên thí sinh:.....Phòng thi số:.....

Ngày sinh:.....Số báo danh:.....

Cán bộ coi thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Số phách
(Do Chủ tịch Hội đồng chấm thi ghi)

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO HUYỆN ĐỒNG HỖ
KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN
Năm học 2024 - 2025

MÔN THI: TIẾNG ANH LỚP 9
Ngày thi: / / 2025
Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Thí sinh làm bài trực tiếp vào đề thi theo hướng dẫn dưới mỗi câu)

Điểm		Giám khảo số 1 (họ tên, chữ ký)	Giám khảo số 2 (họ tên, chữ ký)	Số phách (do chủ tịch HĐ ghi)
Bảng số	Bảng chữ			

Đề thi này gồm 8 trang được đánh số từ 1- 8. Thí sinh kiểm tra số trang trước khi làm bài.

A. LISTENING

Hướng dẫn phần thi nghe hiểu:

- Nội dung nghe gồm 03 phần, mỗi phần thí sinh được nghe 2 lần, đĩa CD tự chạy 2 lần.
- Mở đầu và kết thúc phần nghe có tín hiệu nhạc.
- Hướng dẫn làm bài chi tiết cho thí sinh (bằng tiếng Anh) đã có trong bài nghe.

Part 1: You will hear three different extracts.

For questions 1-6, circle the answer (A, B, or C) which fits best according to what you hear.

There are two questions for each extract.

Extract One

You hear a husband and wife talking about their child's education.

1. The couple agree _____
 - A. on their son's ability to make good decisions.
 - B. that their son should be self-sufficient.
 - C. on their son's need for formal qualifications.
2. Compared to the man, the woman is _____
 - A. conservative.
 - B. realistic.
 - C. naive.

Extract Two

You hear a specialist discussing color blindness.

3. Total color blindness _____
 - A. is more common in men than in women.
 - B. is a hereditary condition.
 - C. affects fewer people than partial color blindness.
4. Color blindness _____
 - A. can exempt the sufferer from some types of employment.
 - B. affects many aspects of the sufferer's life.
 - C. means sufferers are obliged to undergo tests.

Extract Three

You hear part of a lecture by a sociologist.

5. According to the lecture, many people left their homes due to _____
 - A. the large number of roads and railways.
 - B. their inability to find work.
 - C. the lack of land available.

6. The speaker believes that people's attitudes to work were based on _____
- A. their backgrounds.
 - B. a desire for profit.
 - C. market forces.

Your answers

1.	2.	3.	4.	5.	6.
----	----	----	----	----	----

Part 2: For questions 7-10, Sarah is talking about the area where she lives. Where are these places located? Listen and write the correct letter (A-E)

- A. One block from her apartment
 - B. Between a bank and a coffee shop
 - C. Two blocks from her apartment
 - D. Across from the coffee shop
 - E. Next to the grocery store
7. her apartment
 8. the movie theater
 9. the subway stop
 10. her favorite restaurant

Your answers

7.	8.	9.	10.
----	----	----	-----

Part 3: For questions 11-20, Listen to the conversation and then write the missing words. NO MORE THAN TWO WORDS.

I wonder how many accidents I've had in my life. I've had a few (11) _____ ones where I've (12) _____ in hospital. Traffic accidents are (13) _____. They're always painful. I haven't had too many (14) _____. I suppose that's because I do office work and that's not so dangerous. Most of my accidents are those (15) _____ the house. I've lost count of the number of times I've hit (16) _____ with a (17) _____. I'm also really good at standing up and hitting my (18) _____ on something. I'm not as bad as my friend though. He's a real accident looking for somewhere to happen. Almost every time we meet, he has some story to tell about his latest accident. He's quite (19) _____. I think I'd be very worried if I (20) _____ his mother.

Your answers

11.	12.	13.	14.	15.
16.	17.	18.	19.	20.

PHONETICS:

Choose the letter A, B, C, or D to indicate the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others.

- 21. A. naked B. crooked C. packed D. wicked
- 22. A. relationship B. recommend C. resident D. revolution
- 23. A. exchange B. charity C. teacher D. chorus
- 24. A. delivery B. wilderness C. rhino D. philosophy
- 25. A. threaten B. earth C. healthy D. northern

Your answers:

21.	22.	23.	24.	25.
-----	-----	-----	-----	-----

B. VOCABULARY AND GRAMMAR.

I. Choose the correct answer A, B, C or D to complete the following sentences.

26. They hardly believe him and _____.
 A. so do I B. neither do I C. I do, too D. I believe him
27. The house was _____ building.
 A. a stone nice old B. a nice old stone C. a nice stone old D. an old nice stone
28. At the moment she's considering _____ a car.
 A. buying B. to buy C. to buying D. buy
29. She _____ her neighbor's children for the broken window.
 A. accused B. complained C. blamed D. denied
30. I don't think we have very much _____, we are very different people
 A. together B. in common C. the same D. similar
31. I cannot sleep. The dog next door is making too much noise. I wish it _____ quiet.
 A. kept B. would keep C. had kept D. was kept
32. If you had taken my advice, you _____ in such difficulties now.
 A. wouldn't have been B. hadn't been C. wouldn't be D. won't be
33. Mary: "I am going to London in 10 days."
 Jill: "Mary said that she was going to London _____".
 A. in 10 days B. 10 days later C. after 10 days D. during 10 days
34. The _____ of wastepaper can save a great amount of wood pulp.
 A. recycle B. recyclable C. recycled D. recycling
35. Mrs Nga forgot to _____ the faucet when she left for work.
 A. turn off B. turn on C. turn up D. turn down
36. This book is different _____ the one I had.
 A. with B. to C. from D. at
37. What will happen if the pollution _____ on.
 A. puts B. goes C. keeps D. takes
38. I had to get up early, _____ I would miss the train.
 A. otherwise B. if not C. but D. so that
39. Carbon emissions from airplanes and other pollutants _____ to global warming.
 A. attribute B. stem C. contribute D. spark
40. He was _____ with bribery after she offered to pay the policeman a sum of money to overlook the offence.
 A. charged B. accused C. sued D. suspected

Your answers

26.	27.	28.	29.	30.
31.	32.	33.	34.	35.
36.	37.	38.	39.	40.

II. Fill in the blanks with the correct form of the words in capital letters.

FIVE WAYS TO IMPROVE YOUR MEMORY

- Pay better attention at the time. Rehearse the information (41. IMMEDIATE) _____ afterwards, allowing (42. INCREASE) _____ longer gaps between each (43. REPEAT) _____.
- Thus, when you hear a name, say it to yourself, then say it again a minute later, and so on.
- Tax your brain in a (44. VARY) _____ of ways. One researcher found that rats (45. GIVE) _____ interesting things to do had better memories than bored rats.
- Attach meaning to memory - the more (46. SIGNIFY) _____ an event is, the better it will be remembered.

- Attach what you want to remember to something already familiar to you. Let's say you need to remember ten words; start by (47. MEMORY) _____ things that are well-known to you (48. PERSON) _____, such as objects in your house, then associate one of the words with each.

- Have (49. CONFIDE) _____ in your ability to remember things around you. Don't (50. ESTIMATE) _____ your brain.

Your answers:

41.	42.	43.	44.	45.
46.	47.	48.	49.	50.

C. READING COMPREHENSION

I. Fill each of the numbered blanks in the following passage with one suitable word.

Sometimes you just know thing about people the first time you see them, for example that you want to be friends with them or you don't trust them. But perhaps this kind of intuition isn't as hard to explain (51) _____ it may seem. For instance, everybody gives out body language signals (52) _____ the time. The way you hold your body, head and arms tell people about your mood. If you hold your arms tightly at your sides (53) _____ fold them across your chest, people will generally feel that you are being defensive. Holding your head on one side shows interest in the (54) _____ person, while a relaxed, "open" posture indicates that you are self-confident. All this affects how we feel about someone.

Also, a stranger may (55) _____ you of a previous meeting with someone. This may be because of (56) _____ as example as the fact that he or she is physically similar (57) _____ someone who treated you well or badly. But your reaction doesn't have to be the result of the memory of a person you previously met - your feeling about the stranger could (58) _____ influenced by a smell in the air that brings to mind a place (59) _____ you were happy as a child. Since even a single word can bring back a memory (60) _____ as that, you may never realize it is happening.

Your answers:

51.	52.	53.	54.	55.
56.	57.	58.	59.	60

II. Read the passage and choose the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the questions.

BODY TALK

By Leonardo Lawrence

You will probably laugh when I tell you that my interest in body language was sparked by a favorite professor of mine at university. He mentioned "Pinocchio Syndrome" to me one wintry morning after claiming that I was rubbed my nose when giving excuses for being late to his lectures. Apparently, when someone tells a lie, the person's blood rushes to the nose and the extra blood makes it itchy. So if you think someone is not being entirely honest with you, perhaps like my professor you should watch to see if they scratch their nose! This little example of non-verbal communication inspired me to become a body language expert.

Now, I earn my living by training people in non-verbal communication. Knowing when someone is lying and knowing how to convince people you're telling the truth are two of the most important skills you'll ever learn. For example, lawyers build their reputation on their deductive skills when cross-examining in court, while politicians need to rely on their powers of persuasion to gain support.

I have dedicated my life to studying the ways the human body gives more reliable information than the words we speak. The words say one thing but the body may say something completely different. This is the theory of body language and most of us are familiar with the basics. We know

that crossed arms can be seen as their defensive or aggressive, but what about facial expressions, gestures, posture, and the intonation of our speech? All of these volumes can be understood if you only know how to make sense of the signs.

Take the eyes, for instance. If you told a lie, you would probably expect me to look away rather than look you full in the face.

However, this is not, as commonly thought, the sure sign of a lie, but the reflexive movements we make when we are trying to remember something. Because of this, glancing away is not as easy to interpret as you might believe. A good liar is not searching his memory for the truth, so he can quite easily look you straight in the eyes as he speaks to make the lie more convincing. Here's a tip, though. Watch the pupil of the eye; does it change size? If it gets bigger, this is probably an involuntary sign that something is being hidden.

Body language is something that the majority of us cannot control; it's what escapes when we're concentrating on something else. I might think I'm creating a good impression because my voice is strong and steady and my speech is clear, but the sweat pouring off my forehead and my constantly moving feet say otherwise.

Business clients are constantly in need of my services and I try to improve their confidence in themselves by teaching them about body language. I give advice about handshakes, which should always be firm that people who live in warm climates stand a lot closer to one another than in cooler climates. They may seem like minor matters, but these codes of behavior can be the key to making or breathing a business deal.

My working life gives me a great deal of satisfaction. I feel that I'm providing a public service, but it is a service that has had its downside. Whenever I meet someone new and I tell them what I do for a living, they immediately put their guard up and they're no longer relaxed. They quite literally freeze in the attempt to hide all the signals that they assume I'm reading. It makes life difficult at times, but I consider it a small price to pay for a job I enjoy so much.

61. The writer originally became interested in body language because _____.
- A. of a comment someone made to him
 - B. he wanted to know why people tell lies
 - C. he wanted to learn more about "Pinocchio Syndrome"
 - D. his professor recommended it to him
62. According to the writer, non-verbal communication is important because _____.
- A. it helps lawyers to be more skillful
 - B. it can help make people believe what you want to tell them
 - C. politicians need to know when people are lying
 - D. it provides a unique way of earning one's living
63. What does the writer assume about his readers?
- A. They are able to change their intonation.
 - B. They need to develop good posture.
 - C. They use only words to communicate.
 - D. They know something about the subject.
64. According to the writer, it is not easy to recognize when someone is lying because _____.
- A. they have an honest look on their face
 - B. they move their eyes very rapidly
 - C. listeners read their body language incorrectly
 - D. listeners do not look into their eyes
65. To have a positive effect on someone, you should try to avoid _____.
- A. making any facial expressions
 - B. having any involuntary reactions
 - C. giving the impression of not caring
 - D. moving your legs about too much
66. What is the most important thing for businessmen to learn?
- A. The laws of a particular country.
 - B. The correct way to behave.
 - C. The necessity of being polite.
 - D. The skill of appearing confident.
67. Why do people react in a negative way when they meet the writer?
- A. They think he is too self-confident.
 - B. They assume that he is always lying.
 - C. They have heard about him previously.
 - D. They believe he is studying them.
68. What do we learn about the writer from the passage?
- A. He makes a lot of money from his job.
 - B. He travels the world giving advice.
 - C. He is dedicated to his work.
 - D. He trains body language experts.

Your answers

61.	62.	63.	64.	65.	66.	67.	68.
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

III. Read the following passage and choose the most suitable answer A, B, C or D for each space.

Radar is an electronic device that can "see" great distances (69) _____ fog, rain, snow, cloud, and darkness. It can find and (70) _____ locate missiles, aircraft, ships, cities, rainstorms, and mountains. Radar uses radio waves, (71) _____ light waves, which the human eye uses in seeing. This makes it (72) _____ for radar to locate many kinds of objects at (73) _____ greater distances than the eye can see. Radar became an important military device during World War II. Today, networks of radar lookout stations guard the United States and Canada 24 hours a day against (74) _____ missiles and airplanes. Patrol planes and ships (75) _____ the oceans with radar for hostile ships and aircraft. Airports use radar to (76) _____ planes safety to earth in fog or storms. Ships use it to steer clear of other (77) _____ or icebergs. Radar helps weathermen warn of (78) _____ hurricanes or tornadoes.

- | | | | |
|--------------------|----------------|---------------|-------------------|
| 69. A. in spite | B. despite | C. though | D. although |
| 70. A. cure | B. exact | C. accurately | D. accurate |
| 71. A. instead of | B. in addition | C. in stead | D. in addition to |
| 72. A. possibility | B. possible | C. possibly | D. can |
| 73. A. well | B. farther | C. far | D. further |
| 74. A. long range | B. low range | C. ranged | D. length range |
| 75. A. use | B. find | C. seek | D. search |
| 76. A. find | B. take | C. guide | D. guidance |
| 77. A. vessel | B. vessels | C. sail | D. sails |
| 78. A. to approach | B. approaches | C. approach | D. approaching |

Your answers

69.	70.	71.	72.	73.
74.	75.	76.	77.	78.

D. WRITING

I. Finish each second sentence so that it has similar meaning to the first sentence, using the clues at the beginning of each sentence. There's an example at the beginning (0). (1 point); 0.2 point for each correct answer.

0. Can you close window, please? → Would you mind closing the window?

79. I had expected the weather to be worse.

The weather _____.

80. The train couldn't run because of the storm.

The storm _____.

81. You'd better not buy this car.

If _____.

82. I'm sorry that I didn't learn to drive a car when I was younger.

I regret _____.

83. It wasn't necessary for us to book rooms in advance.

We _____.

84. Although he has an American name, he is in fact French.

Despite _____.

II. Finish each second sentence so that it has similar meaning to the first sentence, using the word given in the brackets.

85. You were supposed to hand in the form three weeks ago. (should)

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO HUYỆN ĐÔNG HỖ
 KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN
 Năm học 2024 - 2025

MÔN THI: TIẾNG ANH LỚP 9
 Ngày thi: / / 2025
 Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐÁP ÁN ĐỀ CHÍNH THỨC + HƯỚNG DẪN CHẤM + THANG ĐIỂM

A. LISTENING

Hướng dẫn phần thi nghe hiểu:

- Nội dung nghe gồm 03 phần, mỗi phần thí sinh được nghe 2 lần, đĩa CD tự chạy 2 lần.
- Mở đầu và kết thúc phần nghe có tín hiệu nhạc.
- Hướng dẫn làm bài chi tiết cho thí sinh (bằng tiếng Anh) đã có trong bài nghe.

Part 1: You will hear three different extracts. (4 points); 0.2 point for each correct answer.
 For questions 1-6, circle the answer (A, B, or C) which fits best according to what you hear.
 There are two questions for each extract.

1. B	2. B	3. C	4. A	5. B	6. A
------	------	------	------	------	------

Part 2: For questions 7-10, Sarah is talking about the area where she lives. Where are these places located? Listen and write the correct letter (A-E)

7. B	8. E	9. A	10. C
------	------	------	-------

Part 3: For questions 11-20, Listen to the conversation. Write the missing words. NO MORE THAN TWO WORDS.

11. serious	12. ended up	13. the worst	14. work-related accidents	15. around
16. my thumb	17. hammer	18. head	19. unbelievable	20. were

PHONETICS:

Choose the letter A, B, C, or D to indicate the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others. (1 point); 0.2 point for each correct answer.

21. C	22. A	23. D	24. C	25. D
-------	-------	-------	-------	-------

B. VOCABULARY AND GRAMMAR.

I. Choose the correct answer A, B, C or D to complete the following sentences.
 (3 points); 0.2 point for each correct answer.

26. B	27. B	28. A	29. C	30. B
31. B	32. C	33. B	34. D	35. A
36. C	37. C	38. A	39. C	40. A

QUESTION

1. The following information relates to the operations of a company for the year ended 31st December 2018.

Revenue 1,000,000

Cost of sales 600,000

Administrative expenses 100,000

Selling expenses 50,000

REQUIRED

(a) Calculate the gross profit and the contribution margin.

(b) Calculate the operating profit and the profit before tax.

(c) Calculate the profit after tax, assuming a tax rate of 20%.

(d) Calculate the operating leverage ratio and explain its significance.

Revenue	1,000,000
Cost of sales	600,000
Gross profit	400,000

(e) Calculate the operating leverage ratio and explain its significance.

Administrative expenses	100,000
Selling expenses	50,000
Operating profit	250,000

(f) Calculate the operating leverage ratio and explain its significance.

Operating profit	250,000
Profit before tax	250,000
Profit after tax	200,000

(g) Calculate the operating leverage ratio and explain its significance.

Operating profit	250,000
Profit before tax	250,000
Profit after tax	200,000

ANSWERS

(a) Gross profit = Revenue - Cost of sales = 1,000,000 - 600,000 = 400,000

Contribution margin = Revenue - Variable costs = 1,000,000 - 600,000 = 400,000

(b) Operating profit = Contribution margin - Fixed costs = 400,000 - 150,000 = 250,000

Profit before tax = Operating profit = 250,000

(c) Profit after tax = Profit before tax x (1 - Tax rate) = 250,000 x (1 - 0.20) = 200,000

(d) Operating leverage ratio = Contribution margin / Operating profit = 400,000 / 250,000 = 1.6

(e) Operating leverage ratio = Contribution margin / Operating profit = 400,000 / 250,000 = 1.6

II. Fill in the blanks with the correct form of the words in capital letters. (2 points); 0.2 point for each correct answer.

41. immediately	42. increasingly	43. repetition	44. variety	45. given
46. significant	47. memorizing	48. personally	49. confidence	50. underestimate

C. READING COMPREHENSION

I. Fill each of the numbered blanks in the following passage with one suitable word. (2 points); 0.2 point for each correct answer.

51. as	52. all	53. or	54. other	55. remind
56. something	57. to	58. be	59. where	60. such

II. Read the passage and choose the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the questions. (1.6 points); 0.2 point for each correct answer.

61. A	62. B	63. C	64. C	65. C	66. B	67. D	68. C
-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------

III. Read the following passage and choose the most suitable answer A, B, C or D for each space. (2 points); 0.2 point for each correct answer.

69. B	70. C	71. A	72. B	73. C
74. A	75. D	76. C	77. B	78. D

D. WRITING

I. Finish each second sentence so that it has similar meaning to the first sentence, using the clues at the beginning of each sentence. There's an example at the beginning (0). (1 point); 0.2 point for each correct answer.

0. Can you close window, please? → Would you mind closing the window?

79. I had expected the weather to be worse.

The weather was not so/as bad as I had expected.

80. The train couldn't run because of the storm.

The storm prevented the train from running.

81. You'd better not buy this car.

If I were you, I wouldn't buy this car.

82. I'm sorry that I didn't learn to drive a car when I was younger.

I regret not having learned to drive a car when I was younger.

I regret not learning to drive a car when I was younger.

82. It wasn't necessary for us to book rooms in advance.

We did not need to book rooms in advance.

84. Although he has an American name, he is in fact French.

Despite having a American name, he is in fact French.

II. Finish each second sentence so that it has similar meaning to the first sentence, using the word given in the brackets.

85. You were supposed to hand in the form three weeks ago. (should)

You should have handed in the form three weeks ago.

86. About 100 people were waiting for the late bus. **(arrived)**

By the time the bus arrived, there were about 100 people waiting.

87. You have really upset Maria by saying those terrible things. **(feelings)**

You have really hurted Maria's feelings by saying those terrible things.

88. Could I arrange a time to see the doctor? **(appointment)**

Could I make an appointment to see the doctor.

**III. Write an essay (around 180 words) on the following topic. (Questions 89 – 100)
(2.4 points); 0.2 point for each correct answer.**

It has recently been announced that a new restaurant may be built in your neighborhood. Do you support or oppose this plan? Why? Use specific reasons and details to support your answer.

Content: accounts for 50% of the total mark. To be given the maximum of 50% for the content, the candidate should provide all main ideas and details as appropriate.

Language: accounts for 30% of the total mark. To be given the maximum of 30 % for language, the candidate should use variety of vocabulary and structures appropriate to the level of English language gifted lower-secondary school students.

Presentation: accounts for 20% of the total mark. To be given the maximum of 20% for presentation, the candidate should write with coherence, cohesion and can use appropriate style and linking devices appropriate to the level of English language gifted lower-secondary school students.

**Total mark: 0,2 point x 100 questions = 20 points
The end.**

I. PHẦN THI TRẮC NGHIỆM (06 điểm - gồm 12 câu; mỗi câu 0,5 điểm)

Chọn 01 phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (Thí sinh trả lời vào vào giấy thi, ví dụ: 1-A, 2-B, 3-C...12-D).

Câu 1. Một vật có khối lượng m (trọng lượng P) chuyển động trong trọng trường với tốc độ v , ở độ cao h so với gốc thế năng. Cơ năng của một vật được xác định bằng công thức?

- A. $W = \frac{1}{2}mv^2 - Ph$ B. $W = \frac{1}{2}mv^2 + Ph$ C. $W = \frac{1}{2}mv^2 - mh$ D. $W = \frac{1}{2}mv^2 + mh$

Câu 2. Điện năng tiêu thụ được đo bằng

- A. Vôn kế B. Tĩnh điện kế C. Ampe kế D. Công tơ điện

Câu 3. Vật thật đặt bên ngoài khoảng tiêu cự của thấu kính hội tụ cho

- A. ảnh thật, ngược chiều vật. B. ảnh thật, cùng chiều vật.
C. ảnh ảo, cùng chiều vật. D. ảnh ảo, ngược chiều vật.

Câu 4. Trên bóng đèn Đ_1 có ghi 220V-100W, bóng đèn Đ_2 có ghi 220V-25W. Khi các đèn sáng bình thường, điện trở tương ứng R_1 và R_2 của dây tóc các bóng đèn này có mối quan hệ với nhau như thế nào?

- A. $R_1 = 4R_2$ B. $16R_1 = R_2$ C. $4R_1 = R_2$ D. $R_1 = 16R_2$

Câu 5. Hiện tượng hóa học là gì?

- A. Hiện tượng chất biến đổi mà vẫn giữ nguyên là chất ban đầu.
B. Hiện tượng chất biến đổi có tạo ra chất khác.
C. Hiện tượng hòa tan các chất rắn vào nước.
D. Hiện tượng chuyển chất lỏng thành hơi.

Câu 6. Trừ hạt nhân của nguyên tử hydrogen, hạt nhân các nguyên tử còn lại được tạo thành từ hạt

- A. electron và proton. B. electron, proton và neutron.
C. neutron và electron. D. proton và neutron.

Câu 7. Độ tan của một chất trong nước ở nhiệt độ, áp suất xác định là

- A. số gam chất đó hòa tan trong 100 gam dung dịch.
B. số gam chất đó hòa tan trong 100 gam dung môi.
C. số gam chất đó hòa tan trong nước tạo ra 100 gam dung dịch.
D. số gam chất đó hòa tan trong 100 gam nước để tạo thành dung dịch bão hoà.

Câu 8. Kim loại nào sau đây tác dụng được với H_2O ở nhiệt độ thường?

- A. Au. B. Cu. C. Ag. D. Na.

Câu 9. Trong quá trình tiêu hoá, thức ăn không đi qua

- A. dạ dày, thực quản và ruột non.
B. gan, túi mật, tuyến nước bọt và tuyến tụy.
C. ruột già, ruột non và dạ dày.
D. khoang miệng, thực quản và dạ dày.

- Câu 10.** Sinh quyển là toàn bộ sinh vật sống trên Trái Đất cùng với
- A. các nhân tố hữu sinh của môi trường. B. các loài sinh vật sản xuất.
C. các nhân tố vô sinh của môi trường. D. các loài sinh vật tiêu thụ.
- Câu 11.** Hai tế bào mới sinh ra sau nguyên phân có bộ nhiễm sắc thể giống nhau là nhờ
- A. sự co xoắn cực đại của NST và sự biến mất của nhân con.
B. sự dẫn xoắn cực đại của NST và sự biến mất của màng nhân.
C. sự nhân đôi chính xác DNA và sự phân li đồng đều của các NST.
D. sự nhân đôi chính xác DNA và sự biến mất của màng nhân.
- Câu 12.** Có 3 tế bào ở vùng mô phân sinh nguyên phân 3 lần tạo ra bao nhiêu tế bào con?
- A. 8 tế bào con. B. 16 tế bào con.
C. 32 tế bào con. D. 24 tế bào con.

II. PHẦN THI TỰ LUẬN (14 điểm; gồm 04 câu)

Câu 1 (3,0 điểm).

Bảo đi xe máy điện đến đón em Hưng ở cổng trường, đúng 11 giờ thì gặp Hưng và thấy Hưng không mang theo mũ bảo hiểm nên Bảo về nhà lấy mũ rồi quay lại đón em. Biết cổng trường cách nhà 4,2 km (coi là đoạn thẳng) và Bảo đi xe máy điện với tốc độ $v_1 = 18$ km/h (bỏ qua thời gian lấy mũ, lên xuống xe, quay xe, coi chuyển động của Bảo, Hưng là thẳng đều). Hỏi: Hai anh em về đến nhà lúc mấy giờ, trong hai trường hợp sau:

- 1) Trường hợp 1: Hưng đứng yên ở cổng trường chờ anh đến đón.
- 2) Trường hợp 2: Bảo về lấy mũ thì Hưng bắt đầu đi bộ về nhà với tốc độ $v_2 = 3$ km/h, đến khi gặp Bảo lấy mũ quay lại thì hai anh em cùng đi xe máy điện về nhà.

Câu 2 (3,0 điểm).

Một quả cầu nhỏ, đặc có thể tích V được thả vào một bình nước. Khi quả cầu đứng yên thì thể tích phần chìm của quả cầu trong nước bằng 86% thể tích của quả cầu. Bỏ qua lực đẩy Ác-si-mét của không khí tác dụng lên quả cầu.

- 1) Tính trọng lượng riêng của chất làm quả cầu.
- 2) Sau đó đổ dầu vào trong bình sao cho dầu phủ kín hoàn toàn quả cầu. Hỏi khi quả cầu đứng yên thì thể tích phần chìm của quả cầu trong nước bằng bao nhiêu phần trăm thể tích của cả quả cầu?

Biết trọng lượng riêng của nước và dầu lần lượt là $d_1 = 10000\text{N/m}^3$; $d_2 = 8000\text{N/m}^3$.

Câu 3 (4,0 điểm).

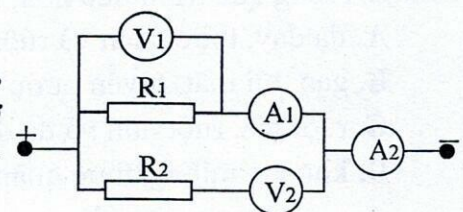
Cho một thấu kính hội tụ có tiêu cự bằng 20 cm. Một vật sáng phẳng AB cao 2 cm, đặt trước và vuông góc với trục chính, sao cho A trên trục chính của thấu kính.

- 1) Khi AB cách thấu kính 15 cm cho ảnh A'B'.
 - a) Vẽ hình minh họa.
 - b) Tính khoảng cách từ ảnh đến thấu kính và chiều cao của ảnh.
- 2) Cố định thấu kính, dịch chuyển AB dọc theo trục chính đến khi khoảng cách giữa AB và ảnh thật của nó đạt giá trị nhỏ nhất. Tính khoảng cách nhỏ nhất giữa vật và ảnh và chiều cao của ảnh khi đó.

Câu 4 (4,0 điểm).

1) Cho mạch điện như hình 1. Các điện trở $R_1 = R_2 = R$, các ampe kế có cùng điện trở R_A , các vôn kế có cùng điện trở R_V . Ampe kế A_1 chỉ $I_1 = 0,1$ A, ampe kế A_2 chỉ $I_2 = 0,11$ A. Các vôn kế chỉ $U_1 = U_2 = 9$ V.

Tính R , R_A , R_V và hiệu điện thế U giữa hai đầu mạch.

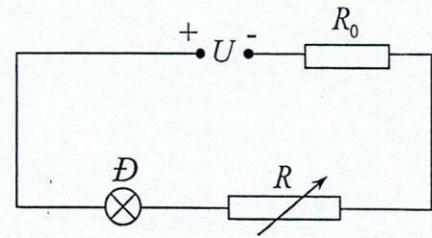


Hình 1

2) Cho mạch điện như hình 2, trong đó nguồn điện có hiệu điện thế không đổi $U = 9\text{ V}$; $R_0 = 2\ \Omega$; R là biến trở; đèn D có công suất định mức 3 W và có cường độ dòng điện định mức nhỏ hơn 1 A . Bỏ qua điện trở dây nối.

a) Khi điều chỉnh biến trở có giá trị $4\ \Omega$ thì đèn sáng bình thường. Tính hiệu điện thế định mức của đèn.

b) Mắc song song với đèn D một bóng đèn nữa giống hệt nó. Muốn cả hai đèn cùng sáng bình thường thì phải điều chỉnh biến trở có giá trị bao nhiêu?



Hình 2

-----HẾT-----

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá đúng bài làm của thí sinh. Thí sinh làm cách khác đáp án nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.
- Khi vận dụng đáp án và thang điểm, giám khảo cần chủ động, linh hoạt với tình thần trân trọng bài làm của học sinh.
- Nếu có việc chi tiết hóa điểm các ý cần phải đảm bảo không sai lệch với tổng điểm và được thống nhất trong toàn hội đồng chấm thi.
- Điểm toàn bài là tổng điểm của các câu hỏi trong đề thi, chấm điểm lẻ đến 0,25 và không làm tròn. Thiếu đơn vị ở đáp số của từng ý trừ 0,25 điểm của ý đó.

B. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

I. PHẦN THI TRẮC NGHIỆM (6 điểm - gồm 12 câu; mỗi câu 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	A	C	B	D	D	D	B	C	C	D

II. PHẦN THI TỰ LUẬN (14 điểm)

Câu 1 (3,0 điểm). Bảo đi xe máy điện đến đón em Hưng ở công trường, đúng 11 giờ thì gặp Hưng và thấy Hưng không mang theo mũ bảo hiểm nên Bảo về nhà lấy mũ rồi quay lại đón em. Biết công trường cách nhà 4,2 km (coi là đoạn thẳng) và Bảo đi xe máy điện với tốc độ $v_1 = 18$ km/h (bỏ qua thời gian lấy mũ, lên xuống xe, quay xe, coi chuyển động của Bảo, Hưng là thẳng đều). Hỏi: Hai anh em về đến nhà lúc mấy giờ, trong hai trường hợp sau:

- 1) Trường hợp 1: Hưng đứng yên ở công trường chờ anh đến đón.
- 2) Trường hợp 2: Bảo về lấy mũ thì Hưng bắt đầu đi bộ về nhà với tốc độ $v_2 = 3$ km/h, đến khi gặp Bảo lấy mũ quay lại thì hai anh em cùng đi xe máy điện về nhà.

Cách giải	Điểm
Công trường: A; Nhà của Bảo và Hưng: B; Tốc độ đi xe điện của Bảo: v_1 . Tốc độ đi bộ của Hưng; v_2 .	
1) Trường hợp 1: Hưng đứng yên ở công trường(A) chờ anh đến đón.	
- Bảo sẽ đi từ trường (A) về nhà (B) để lấy mũ bảo hiểm; Sau đó đi từ nhà đến trường để đón em; Sau đó đèo em từ trường về nhà. Vậy tổng quãng đường mà Bảo đã đi là: $S = 3 \cdot AB = 3 \cdot 4,2 = 12,6(Km)$.	0,5
- Thời điểm 2 anh em về đến nhà là: $t = 11 + \frac{S}{v_1} = 11 + \frac{12,6}{18} = 11,7(h) = 11h 42$ phút.	0,5
2) Trường hợp 2: Khi Bảo về lấy mũ thì Hưng đi bộ về nhà với tốc độ 3 km/h.	
Giai đoạn 1:	
+ Bảo đi từ công trường về đến nhà (đi từ A đến B) mất thời gian: $t_1 = AB/v_1 = 4,2/18 = 7/30(h) = 14$ phút.	0,5
+ Trong thời gian đó Hưng đi từ A đến C với: $AC = v_2 \cdot t_1 = 3 \cdot 7/30 = 0,7$ km $\Rightarrow BC = 4,2 - 0,7 = 3,5$ km.	0,5

Giai đoạn 2: Bảo quay lại đón Hưng, gặp Hưng tại D + Thời gian Bảo đi từ B đến D là: (Hưng đi từ C đến D) $t_2 = BC/(v_1+v_2) = 3,5/(18+3) = 1/6$ (h) = 10 phút. \Rightarrow Đoạn : $BD = v_1 \cdot t_2 = 18 \times 1/6 = 3$ km.	0,5
Giai đoạn 3: + Bảo đèo Hưng về nhà mất thời gian $t_3: t_3 = BD/v_1 = 3/18 = 1/6$ (h) = 10 phút. + Thời điểm 2 anh em về đến nhà: $t = 11h + t_1 + t_2 + t_3 = 11h 34$ phút.	0,5

Câu 2 (3,0 điểm). Một quả cầu nhỏ, đặc có thể tích V được thả vào một bình nước. Khi quả cầu đứng yên thì thể tích phần chìm của quả cầu trong nước bằng 86% thể tích của quả cầu. Bỏ qua lực đẩy Ác-si-mét của không khí tác dụng lên quả cầu.

1) Tính trọng lượng riêng của chất làm quả cầu.

2) Sau đó đổ dầu vào trong bình sao cho dầu phủ kín hoàn toàn quả cầu. Hỏi khi quả cầu đứng yên thì thể tích phần chìm của quả cầu trong nước bằng bao nhiêu phần trăm thể tích của cả quả cầu?

Biết trọng lượng riêng của nước và dầu lần lượt là $d_1 = 10000\text{N/m}^3$; $d_2 = 8000\text{N/m}^3$

Cách giải	Điểm
1) Tính trọng lượng riêng của chất làm nên quả cầu. Có 2 lực tác dụng vào vật: Trọng lực P và lực đẩy Ác si mét F_A Quả cầu cân bằng khi : $P = F_A$	0,5
Theo bài ta có: $d_3 \cdot V = d_1 \cdot V_1 = d_1 \cdot 86\% \cdot V \Rightarrow d_3 = 10000 \cdot 0,86 = 8600(\text{N/m}^3)$	0,5
2) Khi quả cầu chìm trong nước và trong dầu: $P = F'_{A1} + F_{A2} \Leftrightarrow d_3 \cdot V = d_1 \cdot V_2 + d_2 \cdot (V - V_2)$	1,0
$\Leftrightarrow 8600 \cdot V = 10000 \cdot V_2 + 8000 \cdot V - 8000 \cdot V_2 \Leftrightarrow 600 \cdot V = 2000 \cdot V_2$	0,5
$\Rightarrow V_2 = \frac{3}{10} \cdot V = 30\% \cdot V$	0,5

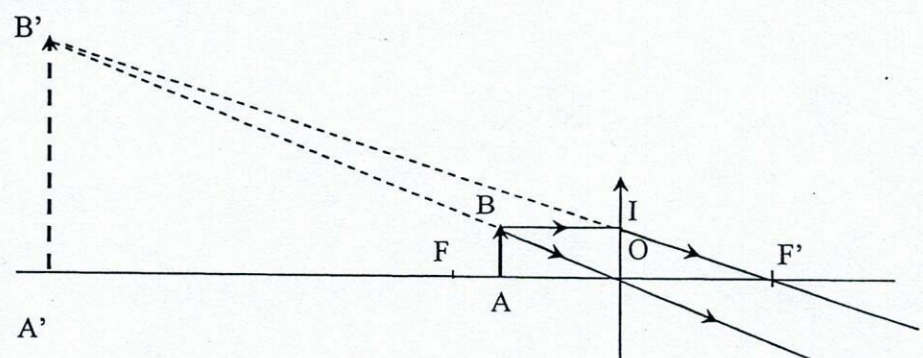
Câu 3 (4,0 điểm). Cho một thấu kính hội tụ có tiêu cự bằng 20 cm. Một vật sáng phẳng AB cao 2 cm, đặt trước và vuông góc với trục chính, sao cho A trên trục chính của thấu kính.

1) Khi AB cách thấu kính 15 cm cho ảnh $A'B'$.

a) Vẽ hình minh họa.

b) Tính khoảng cách từ ảnh đến thấu kính và chiều cao của ảnh.

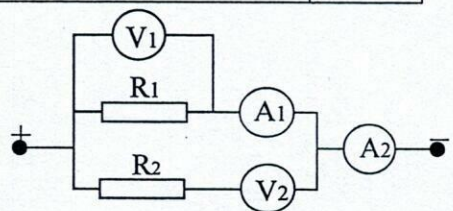
2) Cố định thấu kính, dịch chuyển AB dọc theo trục chính đến khi khoảng cách giữa AB và ảnh thật của nó đạt giá trị nhỏ nhất. Tính khoảng cách nhỏ nhất giữa vật và ảnh và chiều cao của ảnh khi đó.

Cách giải	Điểm
1) Khi AB cách thấu kính 15 cm cho ảnh $A'B'$. a) Vẽ hình minh họa. 	0,5

<p>b) Xét các tam giác đồng dạng :</p> $\Delta OIF' \sim \Delta A'B'F' \rightarrow \frac{OF'}{A'F'} = \frac{OI}{A'B'} \Leftrightarrow \frac{f}{f+OA'} = \frac{AB}{A'B'} \quad (1)$ <p>Xét các tam giác đồng dạng : $\Delta OAB \sim \Delta OA'B' \rightarrow \frac{OA}{OA'} = \frac{AB}{A'B'} \quad (2)$</p>	0,5
<p>Kết hợp (1) và (2) : $\frac{f}{f+OA'} = \frac{OA}{OA'} \Rightarrow OA = 60 \text{ cm}$</p>	0,5
<p>Suy ra : $A'B' = AB \cdot \frac{OA'}{OA} = 8 \text{ cm}$</p>	0,5
<p>2)</p> <p>Gọi L là khoảng cách giữa AB và ảnh thật của nó : $L = OA + OA' \quad (3)$</p> <p>Xét các tam giác vuông đồng dạng:</p> $\Delta OAB \sim \Delta OA'B' \Rightarrow \frac{OA}{OA'} = \frac{AB}{A'B'} \quad (4)$ $\Delta F'OI \sim \Delta F'A'B' \Rightarrow \frac{F'O}{F'A'} = \frac{OI}{A'B'} \Leftrightarrow \frac{F'O}{F'A'} = \frac{AB}{A'B'} \quad (5)$	0,5
<p>Từ (4) và (5) suy ra: $\frac{OA}{OA'} = \frac{F'O}{OA'-F'O} \Rightarrow OA = \frac{OA' \cdot F'O}{OA'-F'O} = \frac{OA' \cdot f}{OA'-f} \quad (6)$</p> <p>Thay (6) vào (3) suy ra: $L = \frac{OA' \cdot f}{OA'-f} + OA' \quad (7)$</p> <p>Biến đổi (7) thu được: $OA'^2 - LOA' + Lf = 0 \quad (8)$</p>	0,5
<p>Điều kiện để (8) có nghiệm : $\Delta \geq 0 \Rightarrow \Delta = L^2 - 4Lf \geq 0 \Rightarrow L \geq 4f$</p> <p>Suy được : $L_{\min} = 80 \text{ cm}$</p>	0,5
<p>Dấu bằng xảy ra (8) có nghiệm kép: $OA' = \frac{L}{2} = 40 \text{ cm}$</p> <p>Suy ra được $OA = OA' = 40 \text{ cm}$</p> <p>Từ (4) suy ra: $\frac{OA}{OA'} = \frac{AB}{A'B'} = 1 \Rightarrow A'B' = AB = 2 \text{ cm}$</p>	0,5

Câu 4 (4,0 điểm).

1) Cho mạch điện như hình 1. Các điện trở $R_1 = R_2 = R$, các ampe kế có cùng điện trở R_A , các vôn kế có cùng điện trở R_V . Ampe kế A_1 chỉ $I_1 = 0,1 \text{ A}$, ampe kế A_2 chỉ $I_2 = 0,11 \text{ A}$. Các vôn kế chỉ $U_1 = U_2 = 9 \text{ V}$. Tính R, R_A, R_V và hiệu điện thế U giữa hai đầu mạch.



Hình 1

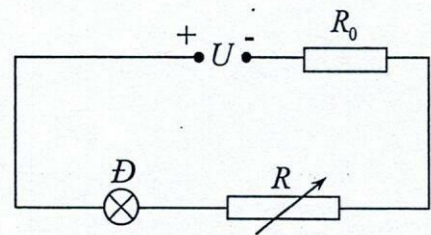
Cách giải	Điểm
Ta có: $I_{V_2} = I_2 - I_1 = 0,01 \text{ A}$	0,25

$\Rightarrow R_V = \frac{U_2}{I_{V_2}} = 900 \Omega.$	0,25
và $I_{V_1} = \frac{U_1}{R_V} = 0,01 A$	0,25
$\Rightarrow I_{R_1} = I_1 - I_{V_1} = 0,09 A$	0,25
$\Rightarrow R = \frac{U_1}{I_{R_1}} = 100 \Omega.$	0,25
$U_{A_1} = U_{R_2} = I_{V_2} R = 1V$	0,25
$\Rightarrow R_A = \frac{U_{A_1}}{I_1} = 10 \Omega$	0,25
$U = U_{V_1} + U_{A_1} + I_2 R_A = 11,1V.$	0,25

2) Cho mạch điện như hình 2, trong đó nguồn điện có hiệu điện thế không đổi $U = 9V$; $R_0 = 2\Omega$; R là biến trở; đèn D có công suất định mức $3W$ và có cường độ dòng điện định mức nhỏ hơn $1A$. Bỏ qua điện trở dây nối.

a) Khi điều chỉnh biến trở có giá trị 4Ω thì đèn sáng bình thường. Tính hiệu điện thế định mức của đèn.

b) Mắc song song với đèn D một bóng đèn nữa giống hệt nó. Muốn cả hai đèn cùng sáng bình thường thì phải điều chỉnh biến trở có giá trị bao nhiêu?



Hình 2

Cách giải	Điểm
a) Ta có $U = I(R_0 + R + R_D)$. Mà $R_D = \frac{P_D}{I_D^2}$ và đèn sáng bình thường nên $I = I_D$	0,25
Ta có: $9 = I_D \left(2 + 4 + \frac{3}{I_D^2} \right) \Leftrightarrow 2I_D^2 - 3I_D + 1 = 0$	0,25
Giải phương trình trên ta được: $I_D = 1A$ (loại) và $I_D = 0,5A$ (nhận)	0,5
Với $I_D = 0,5A$ ta có: $U_D = \frac{P_D}{I_D} = \frac{3}{0,5} = 6V$	0,25
b) Khi mắc hai bóng đèn, vì cả hai đèn sáng bình thường nên ta có: $I = 2I_D = 2 \cdot 0,5 = 1A$;	0,25
$U = U_D + I'(R' + R_0) \Rightarrow R' = \frac{U - U_D}{I'} - R_0 = \frac{9 - 6}{1} - 2 = 1 \Omega$	0,5

-----HẾT-----

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)

Chọn 01 phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (Thí sinh trả lời vào vào giấy thi, ví dụ: 1-A, 2-B, 3-C... 12-D).

Câu 1. Một vật có khối lượng m (trọng lượng P) chuyển động trong trọng trường với tốc độ v , ở độ cao h so với gốc thế năng. Cơ năng của một vật được xác định bằng công thức?

A. $W = \frac{1}{2}mv^2 - Ph$ B. $W = \frac{1}{2}mv^2 + Ph$ C. $W = \frac{1}{2}mv^2 - mh$ D. $W = \frac{1}{2}mv^2 + mh$

Câu 2. Điện năng tiêu thụ được đo bằng

- A. Vôn kế B. Tĩnh điện kế C. Ampe kế D. Công tơ điện

Câu 3. Vật thật đặt bên ngoài khoảng tiêu cự của thấu kính hội tụ cho

- A. ảnh thật, ngược chiều vật. B. ảnh thật, cùng chiều vật.
C. ảnh ảo, cùng chiều vật. D. ảnh ảo, ngược chiều vật.

Câu 4. Trên bóng đèn Đ_1 có ghi 220V-100W, bóng đèn Đ_2 có ghi 220V-25W. Khi các đèn sáng bình thường, điện trở tương ứng R_1 và R_2 của dây tóc các bóng đèn này có mối quan hệ với nhau như thế nào?

A. $R_1 = 4R_2$ B. $16R_1 = R_2$ C. $4R_1 = R_2$ D. $R_1 = 16R_2$

Câu 5. Hiện tượng hóa học là gì?

- A. Hiện tượng chất biến đổi mà vẫn giữ nguyên là chất ban đầu.
B. Hiện tượng chất biến đổi có tạo ra chất khác.
C. Hiện tượng hòa tan các chất rắn vào nước.
D. Hiện tượng chuyển chất lỏng thành hơi.

Câu 6. Trừ hạt nhân của nguyên tử hydrogen, hạt nhân các nguyên tử còn lại được tạo thành từ hạt

- A. electron và proton. B. electron, proton và neutron.
C. neutron và electron. D. proton và neutron.

Câu 7. Độ tan của một chất trong nước ở nhiệt độ, áp suất xác định là

- A. số gam chất đó hòa tan trong 100 gam dung dịch.
B. số gam chất đó hòa tan trong 100 gam dung môi.
C. số gam chất đó hòa tan trong nước tạo ra 100 gam dung dịch.
D. số gam chất đó hòa tan trong 100 gam nước để tạo thành dung dịch bão hoà.

Câu 8. Kim loại nào sau đây tác dụng được với H_2O ở nhiệt độ thường?

- A. Au. B. Cu. C. Ag. D. Na.

Câu 9. Trong quá trình tiêu hoá, thức ăn không đi qua

- A. dạ dày, thực quản và ruột non.
B. gan, túi mật, tuyến nước bọt và tuyến tụy.
C. ruột già, ruột non và dạ dày.
D. khoang miệng, thực quản và dạ dày.

Câu 10. Sinh quyển là toàn bộ sinh vật sống trên Trái Đất cùng với

- A. các nhân tố hữu sinh của môi trường. B. các loài sinh vật sản xuất.
 C. các nhân tố vô sinh của môi trường. D. các loài sinh vật tiêu thụ.

Câu 11. Hai tế bào mới sinh ra sau nguyên phân có bộ nhiễm sắc thể giống nhau là nhờ

- A. sự co xoắn cực đại của NST và sự biến mất của nhân con.
 B. sự dẫn xoắn cực đại của NST và sự biến mất của màng nhân.
 C. sự nhân đôi chính xác DNA và sự phân li đồng đều của các NST.
 D. sự nhân đôi chính xác DNA và sự biến mất của màng nhân.

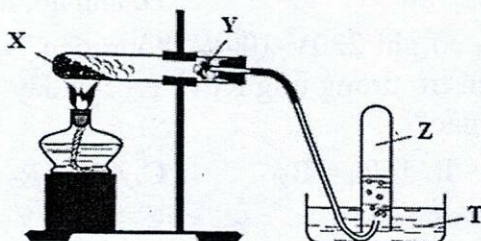
Câu 12. Có 3 tế bào ở vùng mô phân sinh nguyên phân 3 lần tạo ra bao nhiêu tế bào con?

- A. 8 tế bào con. B. 16 tế bào con.
 C. 32 tế bào con. D. 24 tế bào con.

II. PHẦN TỰ LUẬN (14,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

1. Khí Z được điều chế bằng cách nung nóng chất rắn X và được thu vào ống nghiệm bằng phương pháp đẩy nước theo sơ đồ sau:



a. Nếu chất rắn X là một trong các trường hợp sau đây: NaHCO_3 (1); NH_4Cl và CaO (2); KMnO_4 (3) thì khí Z sinh ra trong trường hợp nào phù hợp với phương pháp thu khí được mô tả theo sơ đồ trên. Giải thích và viết phương trình hóa học của các phản ứng xảy ra.

b. Trong sơ đồ lắp ráp dụng cụ trên, vì sao ống nghiệm (1) được lắp nghiêng với miệng ống nghiệm thấp hơn đáy ống nghiệm?

2. Từ quặng dolomit $\text{CaCO}_3 \cdot \text{MgCO}_3$, hãy trình bày phương pháp hóa học điều chế hai kim loại riêng biệt là Ca và Mg. Viết phương trình hóa học của các phản ứng xảy ra.

Câu 2. (2,0 điểm) Dẫn luồng khí CO dư qua hỗn hợp chứa các chất: BaO , CuO , Fe_3O_4 , Al_2O_3 các chất có số mol bằng nhau, nung nóng. Sau khi kết thúc các phản ứng thu được chất rắn X và khí Y. Cho X vào H_2O (lấy dư) thu được dung dịch E và phần không tan Q. Cho Q vào dung dịch AgNO_3 (số mol AgNO_3 bằng hai lần tổng số mol các chất trong hỗn hợp ban đầu) thu được dung dịch T và chất rắn F. Lấy khí Y sục qua dung dịch E được dung dịch G và kết tủa H. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn.

a. Xác định thành phần các chất của X, Y, E, Q, T, F, G, H.

b. Viết phương trình hóa học của các phản ứng xảy ra.

Câu 3. (2,0 điểm)

1. Quặng pyrite có thành phần chính là FeS_2 . Các nhà máy sử dụng quặng pyrite để sản xuất gang, thép và sulfuric acid. Viết phương trình hóa học của các phản ứng xảy ra trong quá trình sản xuất gang và sản xuất sulfuric acid.

2. Cho 3 muối X, Y, Z đều là muối của Na thỏa mãn điều kiện sau:

- Trong 3 muối chỉ có X là tạo kết tủa khi tác dụng với dung dịch $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$.
- Trong 3 muối chỉ có Y và Z tác dụng với dung dịch H_2SO_4 tạo ra chất khí.
- Cả 3 muối khi tác dụng với dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ dư sinh ra sản phẩm có kết tủa và H_2O .

- Trong 3 muối chỉ có Z có thể làm nhạt màu dung dịch KMnO_4 trong H_2SO_4 .

Hãy xác định X, Y, Z và viết phương trình hóa học của các phản ứng xảy ra.

Câu 4. (2,0 điểm) Hãy nêu hiện tượng, giải thích và viết phương trình hóa học của các phản ứng có thể xảy ra trong các trường hợp sau:

a. Một học sinh yêu thích môn hóa học, trong chuyến tham quan khu du lịch hang động Phong Nha, Quảng Bình, em có mang về một lọ nước (nước lấy được nhỏ từ nhũ đá trên trần hang động xuống). Học sinh đó đã chia lọ nước làm 3 phần và làm các thí nghiệm:

- Phần 1: Đun sôi.

- Phần 2: Cho tác dụng với dung dịch HCl.

- Phần 3: Cho tác dụng với dung dịch KOH.

b. Có 2 cốc đựng hóa chất: Cốc 1 đựng dung dịch NaOH và cốc 2 đựng dung dịch NaCl, hai cốc được đặt trên hai đĩa cân, điều chỉnh lượng hóa chất trong hai cốc sao cho cân ở trạng thái thăng bằng rồi để trong phòng kín; sau vài ngày quan sát cân. Biết không khí trong phòng ngoài N_2 , O_2 còn lẫn nhiều CO_2 .

c. Để giảm thiểu hiệu ứng nhà kính của bầu khí quyển trên trái đất, chúng ta nên trồng thêm nhiều cây xanh, hạn chế sử dụng các nhiên liệu hóa thạch như than đá (thành phần chủ yếu là cacbon), xăng dầu (thành phần chủ yếu là các hydrocarbon).

d. Vì sao muối NaHCO_3 được dùng để chế thuốc giảm đau dạ dày.

Câu 5. (2,0 điểm) Cho 2,7 gam hỗn hợp bột X gồm Fe và Zn tác dụng với dung dịch CuSO_4 . Sau một thời gian, thu được dung dịch Y và 2,84 gam chất rắn Z. Cho toàn bộ Z vào dung dịch acid H_2SO_4 (loãng, dư). Sau khi các phản ứng kết thúc thì khối lượng chất rắn giảm 0,28 gam và dung dịch thu được chỉ chứa một muối duy nhất. Xác định phần trăm khối lượng của Fe trong hỗn hợp X.

Câu 6. (2,0 điểm) Dẫn 35,6976 lít CO (ở 25°C và 1 bar) qua ống sứ chứa 38,4 gam một oxide kim loại, nung nóng ở nhiệt độ cao và trong điều kiện không có oxygen, đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được hỗn hợp khí X có tỉ khối so với H_2 là 18 và chất rắn Y. Cho toàn bộ Y tác dụng với dung dịch HCl dư thu được 11,8992 lít khí H_2 (ở 25°C và 1 bar). Xác định công thức của oxide kim loại đã cho ở trên.

Câu 7. (2,0 điểm) Hòa tan 4,56 gam hỗn hợp Na_2CO_3 và K_2CO_3 vào 45,44 gam nước được dung dịch A. Sau đó cho từ từ dung dịch HCl 3,65% vào dung dịch A thấy thoát ra 1,1 gam khí và dung dịch B. Cho dung dịch B tác dụng với dung dịch nước vôi trong thì thu được 1,5 gam kết tủa (giả sử khả năng phản ứng của Na_2CO_3 và K_2CO_3 là như nhau).

a. Viết các phương trình hóa học của các phản ứng xảy ra. Tính khối lượng dung dịch HCl đã tham gia phản ứng.

b. Tính nồng độ phần trăm mỗi chất trong dung dịch A.

c. Từ dung dịch A muốn thu được dung dịch mới có nồng độ phần trăm mỗi muối đều là 8,69% thì phải hòa tan bao nhiêu gam mỗi muối trên?

.....Hết.....

Thí sinh được sử dụng bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học.

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Điểm của bài thi theo thang điểm 20, phần lẻ được tính đến 0,25 điểm. Giám khảo giữ nguyên điểm lẻ, không được làm tròn điểm.
2. Việc chi tiết hóa (nếu có) thang điểm trong hướng dẫn chấm phải đảm bảo không làm sai lệch hướng dẫn chấm.
3. Nếu thí sinh làm bài không theo cách nêu trong hướng dẫn chấm, giải theo cách khác mà lập luận chặt chẽ, tính toán chính xác thì vẫn cho đủ số điểm từng phần như hướng dẫn quy định.

B. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

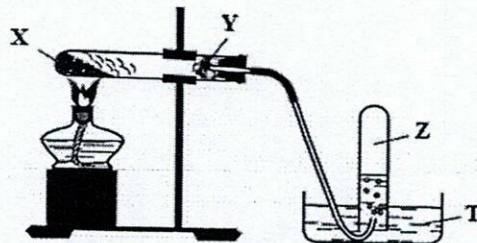
I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	A	C	B	D	D	D	B	C	C	D

II. PHẦN TỰ LUẬN (14,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

1. Khí Z được điều chế bằng cách nung nóng chất rắn X và được thu vào ống nghiệm bằng phương pháp đẩy nước theo sơ đồ sau:



- a. Nếu chất rắn X là một trong các trường hợp sau đây: NaHCO_3 (1); NH_4Cl và CaO (2); KMnO_4 (3) thì khí Z sinh ra trong trường hợp nào phù hợp với phương pháp thu khí được mô tả theo sơ đồ trên. Giải thích và viết phương trình hóa học của các phản ứng xảy ra.
- b. Trong sơ đồ lắp ráp dụng cụ trên, vì sao ống nghiệm (1) được lắp nghiêng với miệng ống nghiệm thấp hơn đáy ống nghiệm?

Đáp án	Điểm
<p>a. Nếu nhiệt phân NaHCO_3 (1); NH_4Cl và CaO (2); KMnO_4 (3) thì chỉ có 2 khí tạo thành phù hợp với phương pháp thu khí trên là CO_2 và O_2. Vì khi đun nóng NaHCO_3 hoặc KMnO_4 thu được khí CO_2 và O_2 là 2 khí tan ít trong nước nên có thể thu được bằng phương pháp đẩy nước. - Đun nóng NH_4Cl tạo ra khí NH_3 tan tốt trong nước. - Đun nóng CaO không có khí thoát ra. PTHH:</p>	0,5

$2\text{NaHCO}_3 \xrightarrow{t^\circ} \text{Na}_2\text{CO}_3 + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$ $2\text{KMnO}_4 \xrightarrow{t^\circ} \text{K}_2\text{MnO}_4 + \text{MnO}_2 + \text{O}_2$	
b. Trong sơ đồ ống nghiệm (1) được lắp nghiêng để cho khí CO ₂ hoặc O ₂ được thoát ra dễ hơn vì CO ₂ và O ₂ đều nặng hơn không khí.	0,25

2. Từ quặng dolomit CaCO₃.MgCO₃, hãy trình bày phương pháp hóa học điều chế hai kim loại riêng biệt là Ca và Mg. Viết phương trình hóa học của các phản ứng xảy ra.

Đáp án	Điểm
- Cho quặng tác dụng với HCl dư. $\text{CaCO}_3 + 2\text{HCl} \longrightarrow \text{CaCl}_2 + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$ $\text{MgCO}_3 + 2\text{HCl} \longrightarrow \text{MgCl}_2 + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$	0,25
- Cho phần dung dịch tác dụng với NaOH dư, lọc tách kết tủa và phần dung dịch. $\text{MgCl}_2 + 2\text{NaOH} \longrightarrow \text{Mg(OH)}_2 \downarrow + 2\text{NaCl}$ $\text{HCl} + \text{NaOH} \longrightarrow \text{NaCl} + \text{H}_2\text{O}$	0,25
- Nung kết tủa trong không khí đến khối lượng không đổi rồi điện phân nóng chảy thu được Mg. $\text{Mg(OH)}_2 \xrightarrow{t^\circ} \text{MgO} + \text{H}_2\text{O}$ $2\text{MgO} \xrightarrow{\text{đpnc}} 2\text{Mg} + \text{O}_2$	0,25
- Phần dung dịch: NaOH dư, CaCl ₂ cho tác dụng với Na ₂ CO ₃ dư, lọc lấy kết tủa sấy khô thu được CaCO ₃ . $\text{CaCl}_2 + \text{Na}_2\text{CO}_3 \longrightarrow \text{CaCO}_3 \downarrow + 2\text{NaCl}$	0,25
- Nung kết tủa trong không khí đến khối lượng không đổi rồi điện phân nóng chảy thu được Ca. $\text{CaCO}_3 \xrightarrow{t^\circ} \text{CaO} + \text{CO}_2$ $2\text{CaO} \xrightarrow{\text{đpnc}} 2\text{Ca} + \text{O}_2$	0,25

Câu 2. (2,0 điểm) Dẫn luồng khí CO dư qua hỗn hợp chứa các chất: BaO, CuO, Fe₃O₄, Al₂O₃ các chất có số mol bằng nhau, nung nóng. Sau khi kết thúc các phản ứng thu được chất rắn X và khí Y. Cho X vào H₂O (lấy dư) thu được dung dịch E và phần không tan Q. Cho Q vào dung dịch AgNO₃ (số mol AgNO₃ bằng hai lần tổng số mol các chất trong hỗn hợp ban đầu) thu được dung dịch T và chất rắn F. Lấy khí Y sục qua dung dịch E được dung dịch G và kết tủa H. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn.

a. Xác định thành phần các chất của X, Y, E, Q, T, F, G, H.

b. Viết phương trình hóa học của các phản ứng xảy ra.

Đáp án	Điểm
a. Giả sử số mol mỗi chất ban đầu là a (mol) - Theo bài ta có: CO không khử được BaO và Al ₂ O ₃ nên X: BaO, Cu, Fe, Al ₂ O ₃ ; Y: CO, CO ₂ ; E: Ba(AlO ₂) ₂ ; Q: Cu (a), Fe (3) - AgNO ₃ có số mol bằng 2 lần số mol của hỗn hợp đầu = 2.4a = 8a (mol)	1,0

<p>Ta có: AgNO_3 tác dụng với Q: $n_{\text{AgNO}_3} = 2(n_{\text{Fe}} + n_{\text{Cu}}) = 8a \rightarrow$ dung dịch Q và AgNO_3 đều hết \rightarrow T: $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$, $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$.</p> <p>F: Ag; G: $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$; H: $\text{Al}(\text{OH})_3$</p>	
<p>b. PTHH:</p> $\text{CO} + \text{CuO} \xrightarrow{t^\circ} \text{Cu} + \text{CO}_2$ $4\text{CO} + \text{Fe}_3\text{O}_4 \xrightarrow{t^\circ} 3\text{Fe} + 4\text{CO}_2$ $\text{BaO} + \text{H}_2\text{O} \longrightarrow \text{Ba}(\text{OH})_2$ $\text{Al}_2\text{O}_3 + \text{Ba}(\text{OH})_2 \longrightarrow \text{Ba}(\text{AlO}_2)_2 + \text{H}_2\text{O}$ $\text{Fe} + 2\text{AgNO}_3 \longrightarrow \text{Fe}(\text{NO}_3)_2 + 2\text{Ag}$ $\text{Cu} + 2\text{AgNO}_3 \longrightarrow \text{Cu}(\text{NO}_3)_2 + 2\text{Ag}$ $2\text{CO}_2 + \text{Ba}(\text{AlO}_2)_2 + 4\text{H}_2\text{O} \longrightarrow \text{Ba}(\text{HCO}_3)_2 + 2\text{Al}(\text{OH})_3 \downarrow$	1,0

Câu 3. (2,0 điểm)

1. Quặng pyrite có thành phần chính là FeS_2 . Các nhà máy sử dụng quặng pyrite để sản xuất gang, thép và sulfuric acid. Viết phương trình hóa học của các phản ứng xảy trong quá trình sản xuất gang và sản xuất sulfuric acid.

Đáp án	Điểm
<p>- Các phương trình hóa học</p> $4\text{FeS}_2 + 11\text{O}_2 \xrightarrow{t^\circ} 2\text{Fe}_2\text{O}_3 + 8\text{SO}_2$ <p>* Phản ứng sản xuất gang:</p> <p>- Phản ứng tạo thành khí CO:</p> $\text{C} + \text{O}_2 \xrightarrow{t^\circ} \text{CO}_2$ $\text{C} + \text{CO}_2 \xrightarrow{t^\circ} 2\text{CO}$ <p>- Dùng CO khử Fe_2O_3</p> $3\text{CO} + \text{Fe}_2\text{O}_3 \xrightarrow{t^\circ} 2\text{Fe} + 3\text{CO}_2$ <p>* Phản ứng sản xuất H_2SO_4.</p> $\text{SO}_2 + \text{O}_2 \xrightarrow{t^\circ, \text{xt}} \text{SO}_3$ $\text{SO}_3 + \text{H}_2\text{O} \longrightarrow \text{H}_2\text{SO}_4$	1,0

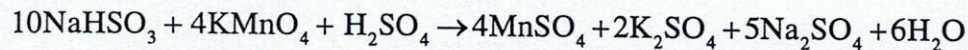
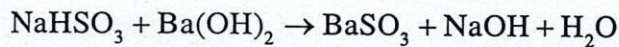
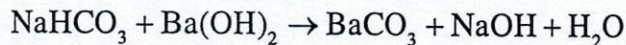
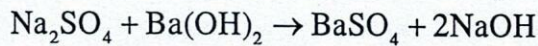
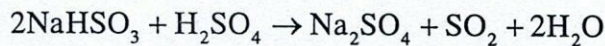
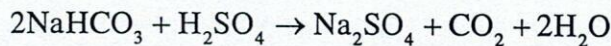
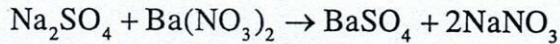
2. Cho 3 muối X, Y, Z đều là muối của Na thỏa mãn điều kiện sau:

- Trong 3 muối chỉ có X là tạo kết tủa khi tác dụng với dung dịch $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$.
- Trong 3 muối chỉ có Y và Z tác dụng với dung dịch H_2SO_4 tạo ra chất khí.
- Cả 3 muối khi tác dụng với dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ dư sinh ra sản phẩm có kết tủa và H_2O .
- Trong 3 muối chỉ có Z có thể làm nhạt màu dung dịch KMnO_4 trong H_2SO_4 .

Hãy xác định X, Y, Z và viết phương trình hóa học của các phản ứng xảy ra.

Đáp án	Điểm
Xác định 3 muối: X: Na_2SO_4 ; Y: NaHCO_3 ; Z: NaHSO_3 .	1,0

PTHH:



Câu 4. (2,0 điểm) Hãy nêu hiện tượng, giải thích và viết phương trình hóa học của các phản ứng có thể xảy ra trong các trường hợp sau:

a. Một học sinh yêu thích môn hóa học, trong chuyến tham quan khu du lịch hạng động Phong Nha, Quảng Bình, em có mang về một lọ nước (nước lấy được nhờ từ nhũ đá trên trần hang động xuống). Học sinh đó đã chia lọ nước làm 3 phần và làm các thí nghiệm:

- Phần 1: Đun sôi.

- Phần 2: Cho tác dụng với dung dịch HCl.

- Phần 3: Cho tác dụng với dung dịch KOH.

b. Có 2 cốc đựng hóa chất: Cốc 1 đựng dung dịch NaOH và cốc 2 đựng dung dịch NaCl, hai cốc được đặt trên hai đĩa cân, điều chỉnh lượng hóa chất trong hai cốc sao cho cân ở trạng thái thăng bằng rồi để trong phòng kín; sau vài ngày quan sát cân. Biết không khí trong phòng ngoài N_2 , O_2 còn lẫn nhiều CO_2 .

c. Để giảm thiểu hiệu ứng nhà kính của bầu khí quyển trên trái đất, chúng ta nên trồng thêm nhiều cây xanh, hạn chế sử dụng các nhiên liệu hóa thạch như than đá (thành phần chủ yếu là cacbon), xăng dầu (thành phần chủ yếu là các hydrocarbon).

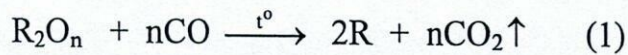
d. Vì sao muối NaHCO_3 được dùng để chế thuốc giảm đau dạ dày.

Đáp án	Điểm
<p>a. Nước lấy từ nhũ đá trên trần động chứa $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2$.</p> <p>- Phần 1: Đun sôi sẽ thấy có chất rắn màu trắng và có khí không màu thoát ra.</p> $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2 \xrightarrow{t^\circ} \text{CaCO}_3 + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$ <p>- Phần 2: Tác dụng với HCl thấy có khí không màu, không mùi thoát ra.</p> $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2 + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CaCl}_2 + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$ <p>- Phần 3: Cho tác dụng với KOH thấy xuất hiện kết tủa màu trắng.</p> $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2 + 2\text{KOH} \rightarrow \text{CaCO}_3 + \text{K}_2\text{CO}_3 + 2\text{H}_2\text{O}$	0,75
<p>b.</p> <p>- Hiện tượng: Sau vài ngày cân sẽ bị lệch về phía cốc 1 đựng NaOH.</p> <p>- Giải thích: Do trong không khí có chứa CO_2. Lượng CO_2 trong không khí sẽ tác dụng với NaOH làm cho khối lượng của cốc 1 bị thay đổi tăng lên. Do đó cân bị lệch về phía cốc 1. PTHH: $2\text{NaOH} + \text{CO}_2 \rightarrow \text{Na}_2\text{CO}_3 + \text{H}_2\text{O}$</p>	0,25
<p>c. Khí CO_2 là nguyên nhân chính gây ra hiệu ứng nhà kính. Để giảm thiểu hiệu ứng nhà kính ta cần giảm thải khí CO_2.</p> <p>- Khi đốt cháy nhiên liệu hoá thạch như than đá, xăng dầu thì sẽ phát thải ra</p>	0,5

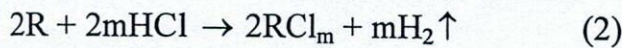
Gọi kim loại là R, hóa trị của kim loại trong oxide là n, hóa trị của kim loại khi tác dụng với HCl là m (n, m > 0).

0,5

Công thức tổng quát của oxit: R_2O_n ; (với n = 1, 2, $\frac{8}{3}$, 3)



Hỗn hợp X có CO dư nên R_2O_n phản ứng hết.



Ta có: $n_{CO} = \frac{35,6976}{24,79} = 1,44$ (mol); $n_{H_2} = \frac{11,8992}{24,79} = 0,48$ (mol) .

0,5

Hỗn hợp khí X gồm: $\begin{cases} CO : x \text{ mol} \\ CO_2 : y \text{ mol} \end{cases}$

Theo bảo toàn nguyên tố C nên: $x + y = 1,44$ mol (*)

Vì tỉ khối của X so với H_2 là 18 nên ta có : $M_X = \frac{28 \cdot x + 44 \cdot y}{x + y} = 18 \cdot 2$ (**)

Từ (*) và (**) ta có:

$$\Rightarrow \begin{cases} \frac{28 \cdot x + 44 \cdot y}{x + y} = 18 \cdot 2 \\ x + y = 1,44 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} x = 0,72 \text{ (mol)} \\ y = 0,72 \text{ (mol)} \end{cases}$$

Theo PTHH (1): Số mol O trong R_2O_n là: $n_{O(\text{trong } R_2O_n)} = n_{CO_2} = 0,72$ (mol)

0,5

Khối lượng O trong R_2O_n là: $m_O = 0,72 \cdot 16 = 11,52$ (gam)

Khối lượng nguyên tố R: $m_R = 38,4 - 11,52 = 26,88$ (gam)

Theo PTHH (2): $n_R = \frac{2}{m} n_{H_2} \Leftrightarrow \frac{26,88}{M_R} = \frac{2}{m} \cdot 0,48 \Leftrightarrow M_R = 28 \cdot m$

Kẻ bảng ta có:

m	1	2	3
M_R	28	56	84
Kết luận	Loại	Fe	Loại

0,5

Vậy R là Fe $\Rightarrow n_{Fe} = \frac{26,88}{56} = 0,48$ (mol)

Ta có: $\frac{n_{Fe}}{n_O} = \frac{0,48}{0,72} = \frac{2}{3} \Rightarrow$ CTHH của oxit: Fe_2O_3 .

Câu 7. (2,0 điểm) Hòa tan 4,56 gam hỗn hợp Na_2CO_3 và K_2CO_3 vào 45,44 gam nước được dung dịch A. Sau đó cho từ từ dung dịch HCl 3,65% vào dung dịch A thấy thoát ra 1,1 gam khí và dung dịch B. Cho dung dịch B tác dụng với dung dịch nước vôi trong thì thu được 1,5 gam kết tủa (giả sử khả năng phản ứng của Na_2CO_3 và K_2CO_3 là như nhau).

a. Viết các phương trình hóa học của các phản ứng xảy ra. Tính khối lượng dung dịch HCl đã tham gia phản ứng.

b. Tính nồng độ phần trăm mỗi chất trong dung dịch A.

c. Từ dung dịch A muốn thu được dung dịch mới có nồng độ phân trăm mỗi muối đều là 8,69% thì phải hòa tan bao nhiêu gam mỗi muối trên?

Đáp án	Điểm
<p>a. PTHH:</p> $\text{Na}_2\text{CO}_3 + \text{HCl} \rightarrow \text{NaCl} + \text{NaHCO}_3 \quad (1)$ $\text{K}_2\text{CO}_3 + \text{HCl} \rightarrow \text{NaCl} + \text{KHCO}_3 \quad (2)$ $\text{NaHCO}_3 + \text{HCl} \rightarrow \text{NaCl} + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O} \quad (3)$ $\text{KHCO}_3 + \text{HCl} \rightarrow \text{KCl} + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O} \quad (4)$ <p>- Vì khi cho dung dịch B vào $\text{Ca}(\text{OH})_2$ thu được kết tủa nên chứng tỏ trong dung dịch B chứa KHCO_3 và NaHCO_3. Các PTHH xảy ra:</p> $\text{Ca}(\text{OH})_2 + \text{NaHCO}_3 \rightarrow \text{NaOH} + \text{CaCO}_3 + \text{H}_2\text{O} \quad (5)$ $\text{Ca}(\text{OH})_2 + \text{KHCO}_3 \rightarrow \text{KOH} + \text{CaCO}_3 + \text{H}_2\text{O} \quad (6)$ <p>- Ta có: $n_{\text{CO}_2} = \frac{1,1}{44} = 0,025$ (mol); $n_{\text{CaCO}_3} = \frac{1,5}{100} = 0,015$ (mol)</p> <p>- Theo PTHH từ (1)→(6): $n_{\text{hỗn hợp đầu}} = n_{\text{CO}_2} + n_{\text{CaCO}_3} = 0,025 + 0,015 = 0,04$ (mol)</p> <p>⇒ $n_{\text{HCl}} = n_{\text{hỗn hợp đầu}} + n_{\text{CO}_2} = 0,04 + 0,025 = 0,065$ (mol)</p> <p>- Khối lượng dung dịch HCl:</p> $m_{\text{ddHCl}} = \frac{0,065 \cdot 36,5 \cdot 100\%}{3,65\%} = 65$ (gam)	0,75
<p>b. Gọi x, y lần lượt là số mol mỗi chất trong hỗn hợp ban đầu (x; y > 0)</p> <p>Theo bài ra ta có: $\begin{cases} 106x + 138y = 4,56 \\ x + y = 0,04 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} x = 0,03 \\ y = 0,01 \end{cases}$</p> <p>→ $m_{\text{ddA}} = 4,56 + 45,44 = 50$ (gam)</p> <p>⇒ $C\%_{\text{Na}_2\text{CO}_3} = \frac{0,03 \cdot 100}{50} \cdot 100\% = 6,36\%$; $C\%_{\text{K}_2\text{CO}_3} = \frac{0,01 \cdot 138}{50} \cdot 100\% = 2,76\%$</p>	0,5
<p>c.</p> <p>- Gọi a, b lần lượt là khối lượng của Na_2CO_3 và K_2CO_3 cần thêm vào. (a; b > 0)</p> <p>Vì các muối thu được có C% bằng nhau ⇒ Khối lượng các muối thu được bằng nhau ⇒ $0,03 \cdot 106 + a = 0,01 \cdot 138 + b$ (I)</p> <p>$m_{\text{dung dịch thu được}} = m_{\text{ddA}} + a + b = 50 + a + b$ (gam)</p> <p>⇒ $C\%_{\text{Na}_2\text{CO}_3} = C\%_{\text{K}_2\text{CO}_3} = \frac{0,03 \cdot 100 + a}{50 + a + b} \times 100\% = 8,09\%$ (II)</p> <p>Từ (I); (II) → a = 1,6; b = 3,4</p> <p>- Từ dung dịch A cần cho thêm 1,6 gam Na_2CO_3 và 3,4 gam K_2CO_3.</p>	0,75

.....Hết.....

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Môn thi: Khoa học tự nhiên (Vật sống).
Thời gian làm bài 150 phút (không kể thời gian phát đề)
Đề thi gồm 3 trang.

I. Phần Trắc nghiệm (Gồm 12 câu; mỗi câu 0,5 điểm)

Chọn 01 phương án trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi (Thí sinh trả lời vào vào giấy thi, ví dụ: 1-A, 2-B, 3-C...12-D).

Câu 1. Một vật có khối lượng m (trọng lượng P) chuyển động trong trọng trường với tốc độ v , ở độ cao h so với gốc thế năng. Cơ năng của một vật được xác định bằng công thức?

- A. $W = \frac{1}{2}mv^2 - Ph$ B. $W = \frac{1}{2}mv^2 + Ph$ C. $W = \frac{1}{2}mv^2 - mh$ D. $W = \frac{1}{2}mv^2 + mh$

Câu 2. Điện năng tiêu thụ được đo bằng

- A. Vôn kế B. Tĩnh điện kế C. Ampe kế D. Công tơ điện

Câu 3. Vật thật đặt bên ngoài khoảng tiêu cự của thấu kính hội tụ cho

- A. ảnh thật, ngược chiều vật. B. ảnh thật, cùng chiều vật.
C. ảnh ảo, cùng chiều vật. D. ảnh ảo, ngược chiều vật.

Câu 4. Trên bóng đèn Đ_1 có ghi 220V-100W, bóng đèn Đ_2 có ghi 220V-25W. Khi các đèn sáng bình thường, điện trở tương ứng R_1 và R_2 của dây tóc các bóng đèn này có mối quan hệ với nhau như thế nào?

- A. $R_1 = 4R_2$ B. $16R_1 = R_2$ C. $4R_1 = R_2$ D. $R_1 = 16R_2$

Câu 5. Hiện tượng hóa học là gì?

- A. Hiện tượng chất biến đổi mà vẫn giữ nguyên là chất ban đầu.
B. Hiện tượng chất biến đổi có tạo ra chất khác.
C. Hiện tượng hòa tan các chất rắn vào nước.
D. Hiện tượng chuyển chất lỏng thành hơi.

Câu 6. Trừ hạt nhân của nguyên tử hydrogen, hạt nhân các nguyên tử còn lại được tạo thành từ hạt

- A. electron và proton. B. electron, proton và neutron.
C. neutron và electron. D. proton và neutron.

Câu 7. Độ tan của một chất trong nước ở nhiệt độ, áp suất xác định là

- A. số gam chất đó hòa tan trong 100 gam dung dịch.
B. số gam chất đó hòa tan trong 100 gam dung môi.
C. số gam chất đó hòa tan trong nước tạo ra 100 gam dung dịch.
D. số gam chất đó hòa tan trong 100 gam nước để tạo thành dung dịch bão hoà.

Câu 8. Kim loại nào sau đây tác dụng được với H_2O ở nhiệt độ thường?

- A. Au. B. Cu. C. Ag. D. Na.

Câu 9. Trong quá trình tiêu hoá, thức ăn không đi qua

- A. dạ dày, thực quản và ruột non.
B. gan, túi mật, tuyến nước bọt và tuyến tụy.
C. ruột già, ruột non và dạ dày.
D. khoang miệng, thực quản và dạ dày.

Câu 5

Trong quá trình phân bào, hãy cho biết ý nghĩa của các hiện tượng:

- a) NST đóng xoắn cực đại vào kì giữa, sau đó lại dần xoắn tối đa vào kì cuối.
- b) Màng nhân biến mất vào kì đầu, sau đó lại xuất hiện trở lại vào kì cuối.
- c) Thoi tơ vô sắc xuất hiện vào kì đầu, sau đó lại biến mất vào kì cuối.

Câu 6

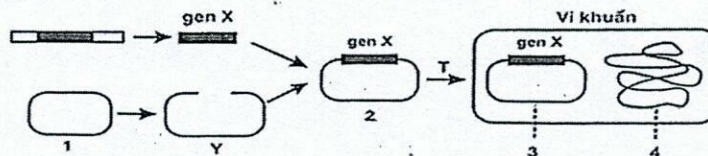
Khi đếm số lượng nhiễm sắc thể ở 4 tế bào của một loài có $2n = 8$, người ta thu được bảng kết quả như sau:

Tế bào	Số lượng nhiễm sắc thể ở từng cặp nhiễm sắc thể			
	Cặp số I	Cặp số II	Cặp số III	Cặp số IV
A	2	2	3	2
B	2	1	2	2
C	3	3	3	3
D	4	4	4	4

- a) Cho biết tên gọi bộ NST của 4 tế bào trên?
- b) Khi lai hai cây lưỡng bội có kiểu gene AA và aa, người ta thu được một số cây lai tam bội có kiểu gene AAa. Hãy giải thích cơ chế hình thành và đặc điểm của các cây lai tam bội đó? Vì sao quả của cây tam bội thường không có hạt?

Câu 7

Hình sau mô tả một quy trình kỹ thuật chuyển gene vào vi khuẩn.



- a) Chú thích các thành phần kí hiệu từ 1 đến 4 trong hình trên.
- b) Nêu các bước trong quy trình chuyển gene tổng hợp insulin của người vào vi khuẩn *E.coli*.
- c) Nêu ít nhất 2 giống cây trồng mới đã được tạo ra bằng kỹ thuật chuyển gene.

----- Hết -----

Họ và tên: Số báo danh:
Thí sinh không sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Môn thi: Khoa học tự nhiên (Vật sống).

I. Phần Trắc nghiệm (Gồm 12 câu; mỗi câu 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	A	C	B	D	D	D	B	C	C	D

II. Phần Tự luận (Gồm 07 câu; mỗi câu 2,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	a) Nguyên nhân của bệnh xơ vữa động mạch - Xơ vữa động mạch là hiện tượng thành của động mạch bị xơ cứng do hàm lượng cholesterol trong máu tăng cao sẽ kết hợp với Ca^{2+} ngấm vào thành mạch, làm cho lòng động mạch hẹp lại gây nên hiện tượng thiếu máu cục bộ, có nơi lòng động mạch bị xơ vữa bong ra gây tắc mạch cục bộ. - Bệnh xơ vữa động mạch là một bệnh do nhiều nguyên nhân: Rối loạn chuyển hoá lipid, tăng huyết áp, đái tháo đường, béo phì, hút thuốc lá nhiều và hoạt động thể dục ít...	1,0 đ
	b) Một số biện pháp phòng ngừa bệnh xơ vữa động mạch - Không sử dụng thuốc lá và các chất kích thích - Ăn nhiều rau luộc, rau sống, cá biển, cá sông tươi và các thực phẩm lành mạnh khác - Tập thể dục thường xuyên, ít nhất 5 ngày, mỗi ngày 30 phút - Duy trì cân nặng khỏe mạnh, giảm cân nếu béo phì, thừa cân	1,0 đ
2	a) Nguyên nhân số lượng cá tăng nhanh ở giai đoạn đầu là do nguồn sống dồi dào, nơi ở rộng rãi, môi trường chưa bị ô nhiễm tạo điều kiện thuận lợi cho sức sinh sản của quần thể tăng cao. Số cá thể mới sinh ra cao hơn số cá thể tử vong.	0,5 đ
	b) Nguyên nhân làm giảm dần mức độ tăng cá thể: - Thiếu thức ăn, nơi ở. - Chất thải nhiều dẫn đến ô nhiễm nguồn nước - Sức sinh sản giảm dần. - Mức độ tử vong tăng nên số lượng cá có lúc giảm mạnh. Càng về sau số lượng hầu như ít thay đổi là do số lượng cá thể sinh vật trong quần thể phù hợp khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường → cân bằng sinh học.	1,5 đ
3	a) - Theo bài ra ta có: + Thân cao là tính trạng trội hoàn toàn so với thân thấp; + Hạt tròn là tính trạng trội hoàn toàn so với hạt dài. - Xét sự phân li của từng cặp tính trạng ở con lai F_1 : + $\frac{\text{thân cao}}{\text{thân thấp}} = \frac{37,5\% + 12,5\%}{37,5\% + 12,5\%} = \frac{50\%}{50\%} = 1:1 \rightarrow$ tỉ lệ của phép lai phân tích $\rightarrow P: Aa \times aa$ + $\frac{\text{hạt tròn}}{\text{hạt dài}} = \frac{37,5\% + 12,5\%}{12,5\% + 12,5\%} = \frac{50\%}{25\%} = 3:1 \rightarrow$ tỉ lệ quy luật phân li $\rightarrow P: Bb \times Bb$ Từ (1) và (2) ta có: (thân cao : thân thấp)(hạt tròn : hạt dài) = (1 : 1)(3 : 1) = 3 : 3 : 1 : 1 - Vậy hai cặp tính trạng chiều cao và hình dạng hạt di truyền độc lập từ đó suy ra kiểu gene của P là: $AaBb \times aaBb$ + Một cơ thể P mang kiểu gene $AaBb$ (thân cao, hạt tròn) + Một cơ thể P mang kiểu gene $aaBb$ (thân thấp, hạt tròn)	1,0 đ
	b) P: $AaBb$ (thân cao, hạt tròn) \times $aaBb$ (thân thấp, hạt tròn)	1,0 đ

	giao tử không bình thường (nhiễm sắc thể thừa, thiếu hoặc không cân bằng). Do đó, quá trình thụ tinh khó xảy ra, dẫn đến không hình thành hạt hoặc hạt bị lép.	
7	<p>a) Kí hiệu</p> <p>1: là thể truyền (vector, plasmid)</p> <p>2: là plasmid tái tổ hợp (DNA tái tổ hợp)</p> <p>3: là plasmid tái tổ hợp được chuyển vào tế bào nhận</p> <p>4: là DNA vùng nhân của vi khuẩn.</p> <p>b) Các bước trong quy trình chuyển gene tổng hợp insulin của người vào vi khuẩn <i>E. coli</i>.</p> <p>- Tạo DNA tái tổ hợp:</p> <p>+ Tách, dùng mRNA (tổng hợp từ gen insulin) phiên mã ngược tạo cDNA</p> <p>+ Tách plasmid từ <i>E. coli</i>.</p> <p>+ Dùng enzym giới hạn cắt plasmid và cắt cDNA mang gene quy định insulin.</p> <p>+ Nối plasmid của <i>E. coli</i> với đoạn cDNA có gene quy định insulin, tạo ra DNA tái tổ hợp nhờ enzym ligaza.</p> <p>- Đưa DNA tái tổ hợp vào trong tế bào nhận: Biến nạp DNA tái tổ hợp vào <i>E. coli</i> và nhân DNA plasmid trong vi khuẩn.</p> <p>- Phân lập dòng tế bào DNA tái tổ hợp: Để nhận biết tế bào có chứa DNA tái tổ hợp, các nhà khoa học phải chọn thể truyền có dấu chuẩn để nhận biết hoặc gene đánh dấu.</p> <p>c) Ví dụ về giống cây trồng chuyển gene</p> <p>+ Tạo giống gạo tạo giống lúa “gạo vàng” có khả năng tổng hợp β - carôten (tiền chất tạo vitamin A)</p> <p>+ Tạo giống cà chua có gene tạo chất flavônol chống bệnh ung thư từ thuốc lá cảnh.</p>	<p>1,0 đ</p> <p>1,0 đ</p>

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (số câu: 12; số điểm: 6,0)

Chọn 01 phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (thí sinh trả lời vào giấy thi, ví dụ: 1-A, 2-B, 3-C...).

Câu 1. Lực lượng xã hội nào sau đây ở Việt Nam đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn của tư sản Pháp (1923)?

- A. Công nhân. B. Nông dân. C. Tư sản. D. Học sinh.

Câu 2. Sự kiện lịch sử thế giới nào sau đây có ảnh hưởng đến hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 - 1930?

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. B. Đại hội II của Quốc tế Cộng sản.
C. Chiến tranh lạnh kết thúc. D. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Câu 3. Văn bản nào sau đây khẳng định với toàn thể nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945)?

- A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. B. Tác phẩm Đường Kách mệnh.
C. Bản Tuyên ngôn Độc lập. D. Tác phẩm Bình Ngô đại cáo.

Câu 4. Trong thời kì 1945 - 1954, quân và dân Việt Nam mở chiến dịch quân sự nào sau đây để tiêu diệt một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của thực dân Pháp ở Đông Dương?

- A. Trung Lào. B. Tây Nguyên. C. Thượng Lào. D. Điện Biên Phủ.

Câu 5. Trong giai đoạn 1965 - 1968, nhân dân miền Bắc Việt Nam thực hiện một trong những nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Khởi nghĩa từng phần. B. Chống chiến tranh phá hoại của Mỹ.
C. Tổng khởi nghĩa. D. Chống chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ.

Câu 6. Quốc gia nào sau đây **không** phải là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

- A. Việt Nam. B. Ấn Độ
C. Lào. D. Thái Lan.

Câu 7. Vai trò của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển, phân bố ngành công nghiệp nước ta là

- A. góp phần mở rộng mạng lưới giao thông vận tải.
B. giúp tăng hiệu suất sản xuất và giảm chi phí.
C. tạo ra nhiều tài nguyên thiên nhiên hơn.
D. giúp mở rộng thị trường xuất khẩu, thu ngoại tệ.

Câu 8. Khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam hiện nay gặp phải khó khăn chủ yếu nào?

- A. Tốc độ cạn kiệt tài nguyên. B. Công nghệ khai thác lạc hậu.
C. Gia tăng ô nhiễm môi trường. D. Thiếu nhân lực có trình độ cao.

Câu 9. Chế độ nước sông ở Việt Nam có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chế độ nước sông ổn định quanh năm. B. Chế độ nước sông phụ thuộc vào khí hậu.
C. Mực nước sông không thay đổi theo mùa. D. Nước sông chủ yếu do băng tuyết tan.

Câu 10. Bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam có ý nghĩa chủ yếu đối với vấn đề nào sau đây?

- A. Giảm tác động của thiên tai, bão lũ. B. Góp phần vào sự phát triển bền vững.
C. Mở rộng diện tích đất canh tác. D. Cung cấp nguồn dược liệu cho y học.

Câu 11. Ảnh hưởng chủ yếu của tiến bộ khoa học và công nghệ đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp Việt Nam là

- A. giúp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.
B. làm giảm số lượng lao động trong sản xuất.
C. giúp mở rộng diện tích và tăng sản lượng nông sản.
D. giúp mở rộng thị trường xuất khẩu, thu ngoại tệ.

Câu 12. Ảnh hưởng tích cực của cơ cấu dân số theo nhóm tuổi đến phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam là

- A. dân số trẻ làm tăng lực lượng lao động. B. dân số già làm gia tăng dịch vụ xã hội.
C. dân số vàng làm tăng nhu cầu việc làm. D. dân số trẻ làm tăng lao động nông nghiệp.

II. PHẦN TỰ LUẬN (số câu: 04; số điểm: 14,0)

Câu 1 (3,0 điểm)

Trên cơ sở kiến thức về các tổ chức yêu nước cách mạng ở Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1930, em hãy:

a. Lập bảng về Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1925 - 1929) và Việt Nam Quốc dân đảng (1927 - 1930) theo các nội dung: khuynh hướng chính trị, thành phần tham gia, địa bàn, hoạt động chính, sự phân hóa.

b. Qua bảng đã lập, giải thích tại sao hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng không thành công?

Câu 2 (3,0 điểm)

Phong trào cách mạng Việt Nam giai đoạn 1930 - 1931 diễn ra trong hoàn cảnh nào? Làm rõ những biểu hiện chứng tỏ Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 - 1931.

Câu 3 (4,0 điểm)

Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có những biện pháp gì để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám (từ tháng 9 - 1945 đến tháng 12 - 1946)? Nêu ý nghĩa của những biện pháp pháp đó.

Câu 4 (4,0 điểm)

Nêu những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1945 đến năm 1991. Vì sao trong giai đoạn 1945 - 1950, kinh tế Mỹ chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới, nhưng đến giai đoạn 1950 - 1991 không còn chiếm ưu thế tuyệt đối nữa?

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

-----Hết-----

Họ tên thí sinh.....Số báo danh:.....

A. Hướng dẫn chung

1. Thí sinh trả lời theo cách riêng (về bố cục và câu chữ) nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản như trong Hướng dẫn chấm thì vẫn cho đủ điểm.
2. Thí sinh vận dụng được kiến thức cơ bản từ những tài liệu ngoài SGK thì được khuyến khích cho thêm điểm, nhưng không được vượt quá điểm của từng câu và của toàn bài.
3. Sau khi cộng điểm toàn bài để điểm lẻ đến 0,25 điểm.

B. Hướng dẫn chấm chi tiết

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	B	C	D	B	B	B	A	B	B	A	A

II. PHẦN TỰ LUẬN (LỊCH SỬ)

Câu hỏi	Nội dung	Điểm																		
Câu 1	<p>Trên cơ sở kiến thức về các tổ chức yêu nước cách mạng ở Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1930, em hãy:</p> <p>a. Lập bảng về Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1925 - 1929) và Việt Nam Quốc dân đảng (1927 - 1930) theo các nội dung: khuynh hướng chính trị, thành phần tham gia, địa bàn, hoạt động chính, sự phân hóa.</p> <p>b. Qua bảng đã lập, giải thích tại sao hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng không thành công?</p>	3,00																		
	<p>1. Bảng về Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1925-1929) và Việt Nam Quốc dân Đảng (1927-1930)</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nội dung</th> <th>Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1925-1929)</th> <th>Việt Nam Quốc dân đảng (1927-1930)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Khuynh hướng chính trị (0,5 điểm)</td> <td>Vô sản</td> <td>Dân chủ tư sản</td> </tr> <tr> <td>Thành phần tham gia (0,5 điểm)</td> <td>Thanh niên, trí thức, công nhân, nông dân... (chú trọng đến thành phần lực lượng là quần chúng nhân dân lao động).</td> <td>Tư sản dân tộc, binh lính người Việt trong quân đội Pháp, viên chức, học sinh, thân hào, thân sĩ ở nông thôn... (thành phần phức tạp và không chú trọng xây dựng lực lượng trong công nhân, nông dân).</td> </tr> <tr> <td>Địa bàn (0,5 điểm)</td> <td>Được thành lập ở nước ngoài (Quảng Châu-Trung Quốc), sau đó chuyển trọng tâm hoạt động về nước, có cơ sở ở cả ba kì.</td> <td>Chủ yếu ở Bắc Kì.</td> </tr> <tr> <td>Hoạt động chính (0,5 điểm)</td> <td>Tuyên truyền lí luận cách mạng (ra báo Thanh niên; xuất bản sách Đường Kách mệnh...); huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ (mở các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu...); xây dựng tổ chức (xây dựng các chi bộ, ki bộ; phát động phong trào “vô sản hóa”)...</td> <td>Tháng 2-1929, ám sát tên trùm mộ phu Ba-danh; tháng 2-1930, phát động khởi nghĩa Yên Bái...</td> </tr> <tr> <td>Sự phân hóa (0,5 điểm)</td> <td>Phân hóa thành hai tổ chức cộng sản là Đông Dương Cộng sản đảng (6-1929) và An Nam Cộng sản đảng (8-1929), sau đó hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930).</td> <td>Tan rã sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930).</td> </tr> </tbody> </table>	Nội dung	Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1925-1929)	Việt Nam Quốc dân đảng (1927-1930)	Khuynh hướng chính trị (0,5 điểm)	Vô sản	Dân chủ tư sản	Thành phần tham gia (0,5 điểm)	Thanh niên, trí thức, công nhân, nông dân... (chú trọng đến thành phần lực lượng là quần chúng nhân dân lao động).	Tư sản dân tộc, binh lính người Việt trong quân đội Pháp, viên chức, học sinh, thân hào, thân sĩ ở nông thôn... (thành phần phức tạp và không chú trọng xây dựng lực lượng trong công nhân, nông dân).	Địa bàn (0,5 điểm)	Được thành lập ở nước ngoài (Quảng Châu-Trung Quốc), sau đó chuyển trọng tâm hoạt động về nước, có cơ sở ở cả ba kì.	Chủ yếu ở Bắc Kì.	Hoạt động chính (0,5 điểm)	Tuyên truyền lí luận cách mạng (ra báo Thanh niên; xuất bản sách Đường Kách mệnh...); huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ (mở các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu...); xây dựng tổ chức (xây dựng các chi bộ, ki bộ; phát động phong trào “vô sản hóa”)...	Tháng 2-1929, ám sát tên trùm mộ phu Ba-danh; tháng 2-1930, phát động khởi nghĩa Yên Bái...	Sự phân hóa (0,5 điểm)	Phân hóa thành hai tổ chức cộng sản là Đông Dương Cộng sản đảng (6-1929) và An Nam Cộng sản đảng (8-1929), sau đó hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930).	Tan rã sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930).	2,5
Nội dung	Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1925-1929)	Việt Nam Quốc dân đảng (1927-1930)																		
Khuynh hướng chính trị (0,5 điểm)	Vô sản	Dân chủ tư sản																		
Thành phần tham gia (0,5 điểm)	Thanh niên, trí thức, công nhân, nông dân... (chú trọng đến thành phần lực lượng là quần chúng nhân dân lao động).	Tư sản dân tộc, binh lính người Việt trong quân đội Pháp, viên chức, học sinh, thân hào, thân sĩ ở nông thôn... (thành phần phức tạp và không chú trọng xây dựng lực lượng trong công nhân, nông dân).																		
Địa bàn (0,5 điểm)	Được thành lập ở nước ngoài (Quảng Châu-Trung Quốc), sau đó chuyển trọng tâm hoạt động về nước, có cơ sở ở cả ba kì.	Chủ yếu ở Bắc Kì.																		
Hoạt động chính (0,5 điểm)	Tuyên truyền lí luận cách mạng (ra báo Thanh niên; xuất bản sách Đường Kách mệnh...); huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ (mở các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu...); xây dựng tổ chức (xây dựng các chi bộ, ki bộ; phát động phong trào “vô sản hóa”)...	Tháng 2-1929, ám sát tên trùm mộ phu Ba-danh; tháng 2-1930, phát động khởi nghĩa Yên Bái...																		
Sự phân hóa (0,5 điểm)	Phân hóa thành hai tổ chức cộng sản là Đông Dương Cộng sản đảng (6-1929) và An Nam Cộng sản đảng (8-1929), sau đó hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930).	Tan rã sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930).																		

	<p>2. Giải thích hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng không thành công HS có những trình bày khác nhau, nhưng phải phù hợp; <i>đúng mỗi ý được 0,25 điểm, tối đa được 0,5 điểm.</i> Gợi ý:</p> <p>(1) Việt Nam Quốc dân đảng thiếu hệ tư khoa học, triệt để (hệ tư tưởng dân chủ tư sản đã lỗi thời, không đáp ứng được yêu cầu khách quan của cách mạng Việt Nam)...; (2) Thành phần phức tạp (kẻ thù dễ trả trộn dễ phá hoại; dẫn đến chia rẽ, bất đồng trong nội bộ); thiên về quân sự, nặng về ám sát cá nhân, ít chú ý tuyên truyền giáo dục đảng viên, quần chúng nên dễ tan rã; địa bàn hoạt động hẹp...</p>	0,5
<p>Câu 2</p>	<p>Phong trào cách mạng Việt Nam giai đoạn 1930 - 1931 diễn ra trong hoàn cảnh nào? Làm rõ những biểu hiện chứng tỏ Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 - 1931.</p> <p>1. Hoàn cảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> * Cuộc đại suy thoái kinh tế (1929-1933) gây hậu quả nặng nề với Việt Nam (kinh tế sa sút; đời sống của đại bộ phận nhân dân Việt Nam bần cùng, đói khổ; mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp, giữa nông dân với địa chủ phong kiến gay gắt...). * Chính sách khủng bố, đàn áp của thực dân Pháp (nhất là sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái tháng 2-1930) đã đẩy nhân dân Việt Nam vào con đường cùng, phải vùng lên đấu tranh với thực dân Pháp để giành quyền sống cho mình... * Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã kịp thời tập hợp, lãnh đạo nhân dân Việt Nam đấu tranh... <p>2. Biểu hiện Xô viết Nghệ-Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930-1931</p> <ul style="list-style-type: none"> * Nghệ An và Hà Tĩnh là hai địa phương có phong trào đấu tranh mạnh mẽ, sôi nổi, quyết liệt nhất (bãi công của công nhân; biểu tình của nông dân; có sự phối giữa công nhân và nông dân trong các cuộc đấu tranh; biểu tình có vũ trang tự vệ, tiến lên đập phá huyện đường, phá nhà lao, buộc địch phải thừa nhận yêu sách...). * Nghệ An và Hà Tĩnh là hai địa phương quần chúng đã dùng bạo lực cách mạng để đập tan chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng ở một số thôn, xã, (gọi là Xô viết)... * Sau khi thành lập, Chính quyền Xô viết đã thi hành nhiều chính sách tiến bộ về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội...; thực sự là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng (chính quyền của dân, do dân, vì dân)... 	<p>3,00</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,75</p>
<p>Câu 3</p>	<p>Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có những biện pháp gì để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám (từ tháng 9 - 1945 đến tháng 12 - 1946)? Nêu ý nghĩa của những biện pháp pháp đó.</p> <p>1. Biện pháp xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng</p> <ul style="list-style-type: none"> * Ngày 6-1-1946, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên đã diễn ra với sự tham gia của trên 90% số cử tri trong cả nước và đã bầu được 333 đại biểu vào Quốc hội khóa I... * Ngày 2-3-1946, Quốc hội khóa I họp phiên đầu tiên tại Hà Nội. Quốc hội thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu; lập ra Ban Dự thảo Hiến pháp... * Sau bầu cử Quốc hội, khắp các địa phương từ tỉnh đến xã ở Bắc Bộ, Trung Bộ đã tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân, thành lập Ủy ban hành chính các cấp... * 5-1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Hội Liên Việt) được thành lập để tăng cường và mở rộng khối đoàn kết toàn dân... * Ngày 9-11-1946, Quốc hội thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa... * Lực lượng vũ trang nhân dân được chú trọng xây dựng, phát triển (tháng 9-1945, Việt Nam Giải phóng quân đổi thành Vệ quốc đoàn; sau đó Vệ quốc đoàn được đổi thành Quân đội Quốc gia Việt Nam...). <p>2. Ý nghĩa</p> <p>HS có những trình bày khác nhau, nhưng phải phù hợp; <i>tối đa được 1,0 điểm.</i> Gợi ý:</p> <p>(1) Giáng một đòn mạnh vào âm mưu chia rẽ, lật đổ và xâm lược của đế quốc và tay sai; tạo cơ sở pháp lí vững chắc của một nhà nước cách mạng để thực hiện nhiệm vụ đối nội, đối ngoại trong thời kì mới đầy khó khăn, thử thách...</p>	<p>4,00</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,75</p>

	(2) Biểu dương sức mạnh và ý chí sắt đá của khối đại đoàn kết toàn dân...	0,25
Câu 4	Nêu những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1945 đến năm 1991. Vì sao trong giai đoạn 1945 - 1950, kinh tế Mỹ chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới, nhưng đến giai đoạn 1950 - 1991 không còn chiếm ưu thế tuyệt đối nữa?	4,00
	<p>1. Tình hình về chính trị, kinh tế của nước Mỹ (1945-1991)</p> <p>* Chính trị</p> <p>- Nước Mỹ vẫn duy trì nền dân chủ tư sản với chế độ hai đảng thay nhau cầm quyền (Dân chủ, Cộng hòa)...</p> <p>- Từ năm 1945 đến năm 1991, hai đảng ở Mỹ đều thống nhất trong chính sách đối nội, đối ngoại nhằm phục vụ lợi ích của nước Mỹ:</p> <p>- Đối nội: Chính quyền Mỹ thực hiện chính sách cải thiện tình hình chính trị, xã hội, giải quyết khó khăn trong nước và luôn thực hiện chính sách ngăn chặn, đàn áp phong trào đấu tranh của các lực lượng tiến bộ trong nước...</p> <p>- Đối ngoại:</p> <p>+ Tập trung triển khai Chiến lược toàn cầu nhằm chống phá các nước XHCN; ngăn chặn, đẩy lùi phong trào cách mạng thế giới; không chế các nước đồng minh; thực hiện tham vọng bá chủ thế giới...</p> <p>+ Thiết lập các liên minh quân sự như Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương - NATO (1949), khối SEATO ở Đông Nam Á (1954)... và thiết lập chính quyền thân Mỹ ở nhiều quốc gia trên thế giới...</p> <p>+ Tăng cường chạy đua vũ trang trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, song từ những năm 70 của thế kỉ XX trở đi Mỹ tìm cách cải thiện quan hệ với Liên Xô bằng các hạn chế chạy đua vũ trang, với Trung Quốc thể hiện qua chuyến thăm của Tổng thống Níchxon (1972). Năm 1989, Mỹ và Liên Xô cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh...</p> <p>* Tình hình kinh tế</p> <p>- Giai đoạn 1945 - 1950, kinh tế Mỹ phát triển nhanh chóng và giữ ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới (năm 1948, sản lượng công nghiệp Mỹ chiếm 56,4% tổng sản lượng công nghiệp của thế giới tư bản chủ nghĩa; năm 1949, sản lượng nông nghiệp của Mỹ gấp 2 lần sản lượng sản lượng của Anh, Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức, Italia, Nhật Bản cộng lại...).</p> <p>- Giai đoạn 1950 - 1991, Mỹ luôn giữ vững vị trí cường quốc kinh tế số một thế giới, nhưng tỉ trọng kinh tế Mỹ trong nền kinh tế thế giới giảm dần:</p> <p>+ Giai đoạn 1950 - 1973, kinh tế Mỹ không còn giữ ưu thế tuyệt đối như trước; giai đoạn 1973 - 1991, kinh tế Mỹ lâm vào tình trạng khủng hoảng đến năm 1982. Từ năm 1983, kinh tế Mỹ bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại nhưng cũng chỉ ở tốc độ trung bình so với Tây Âu và Nhật Bản. Tuy vẫn dẫn đầu thế giới về sức mạnh kinh tế-tài chính, nhưng tỉ trọng GDP của Mỹ trong nền kinh tế thế giới giảm sút nhiều so với trước (năm 1991, Mỹ chỉ chiếm 21,1%)...</p> <p>2. Lý do giai đoạn 1945 - 1950, nền kinh tế Mỹ chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới, nhưng đến giai đoạn 1950 - 1991 không còn chiếm ưu thế tuyệt đối:</p> <p>* Giai đoạn 1945-1950: Mỹ ít bị thiệt hại bởi Chiến tranh thế giới thứ hai; thu lợi từ việc bán vũ khí nên có nguồn vốn lớn; có nhiều điều kiện (tự nhiên, con người) thuận lợi để phát triển kinh tế; khởi đầu và đi đầu trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và ứng dụng thành tựu vào phát triển kinh tế; thực hiện Kế hoạch Mác-san để biến Tây Âu thành thị trường tiêu thụ hàng hóa Mỹ...</p> <p>* Giai đoạn 1950-1991: Kinh tế Nhật Bản, Tây Âu phục hồi và phát triển nhanh chóng, cạnh tranh trực tiếp với Mỹ; kinh tế Mỹ có nhiều cuộc khủng hoảng, suy thoái; Mỹ phải chi phí lớn cho các cuộc chiến tranh xâm lược, bao tiêu quân sự khắp toàn cầu, chạy đua vũ trang với Liên Xô...</p>	0,25 0,25 0,5 0,25 0,25 0,25 0,5 0,5 0,25 0,5 0,5

Hết

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 02 trang)

Môn thi: Lịch sử và Địa lí (Địa lí)
Thời gian làm bài: 150 phút, không kể thời gian giao đề

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (số câu: 12; số điểm: 6,0).

Chọn 01 phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (thí sinh trả lời vào giấy thi, ví dụ: 1-A, 2-B, 3-C...).

Câu 1. Lực lượng xã hội nào sau đây ở Việt Nam đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn của tư sản Pháp (1923)?

- A. Công nhân. B. Nông dân. C. Tư sản. D. Học sinh.

Câu 2. Sự kiện lịch sử thế giới nào sau đây có ảnh hưởng đến hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 - 1930?

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. B. Đại hội II của Quốc tế Cộng sản.
C. Chiến tranh lạnh kết thúc. D. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Câu 3. Văn bản nào sau đây khẳng định với toàn thể nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945)?

- A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. B. Tác phẩm Đường Kách mệnh.
C. Bản Tuyên ngôn Độc lập. D. Tác phẩm Bình Ngô đại cáo.

Câu 4. Trong thời kì 1945 - 1954, quân và dân Việt Nam mở chiến dịch quân sự nào sau đây để tiêu diệt một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của thực dân Pháp ở Đông Dương?

- A. Trung Lào. B. Tây Nguyên. C. Thượng Lào. D. Điện Biên Phủ.

Câu 5. Trong giai đoạn 1965 - 1968, nhân dân miền Bắc Việt Nam thực hiện một trong những nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Khởi nghĩa từng phần. B. Chống chiến tranh phá hoại của Mỹ.
C. Tổng khởi nghĩa. D. Chống chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ.

Câu 6. Quốc gia nào sau đây không phải là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

- A. Việt Nam. B. Ấn Độ
C. Lào. D. Thái Lan.

Câu 7. Vai trò của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển, phân bố ngành công nghiệp nước ta là

- A. góp phần mở rộng mạng lưới giao thông vận tải.
B. giúp tăng hiệu suất sản xuất và giảm chi phí.
C. tạo ra nhiều tài nguyên thiên nhiên hơn.
D. giúp mở rộng thị trường xuất khẩu, thu ngoại tệ.

Câu 8. Khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam hiện nay gặp phải khó khăn chủ yếu nào?

- A. Tốc độ cạn kiệt tài nguyên. B. Công nghệ khai thác lạc hậu.
C. Gia tăng ô nhiễm môi trường. D. Thiếu nhân lực có trình độ cao.

Câu 9. Chế độ nước sông ở Việt Nam có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chế độ nước sông ổn định quanh năm. B. Chế độ nước sông phụ thuộc vào khí hậu.
C. Mực nước sông không thay đổi theo mùa. D. Nước sông chủ yếu do băng tuyết tan.

Câu 10. Bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam có ý nghĩa chủ yếu đối với vấn đề nào sau đây?

- A. Giảm tác động của thiên tai, bão lũ. B. Góp phần vào sự phát triển bền vững.
C. Mở rộng diện tích đất canh tác. D. Cung cấp nguồn dược liệu cho y học.

Câu 11. Ảnh hưởng chủ yếu của tiến bộ khoa học và công nghệ đến sự phát triển, phân bố nông nghiệp Việt Nam là

- A. giúp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.
B. làm giảm số lượng lao động trong sản xuất.
C. giúp mở rộng diện tích và tăng sản lượng nông sản.
D. giúp mở rộng thị trường xuất khẩu, thu ngoại tệ.

- Câu 12.** Ảnh hưởng tích cực của cơ cấu dân số theo nhóm tuổi đến phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam là
- dân số trẻ làm tăng lực lượng lao động.
 - dân số già làm gia tăng dịch vụ xã hội.
 - dân số vàng làm tăng nhu cầu việc làm.
 - dân số trẻ làm tăng lao động nông nghiệp.

II. PHẦN TỰ LUẬN (số câu: 4; số điểm: 14,0)

Câu 1 (4,0 điểm):

a) Trình bày điểm khác biệt giữa địa hình Đồng bằng sông Hồng với địa hình Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Giải thích nhận định sau: *Địa hình đa dạng cùng với khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đã tạo nên những đặc điểm tự nhiên của thủy văn Việt Nam.*

Câu 2 (3,0 điểm). Cho bảng số liệu sau:

DÂN SỐ NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 – 2023

Năm	Tổng dân số (triệu người)	Phân theo thành thị và nông thôn	
		Dân số thành thị (triệu người)	Dân số nông thôn (triệu người)
2015	91,70	31,06	60,64
2023	100,30	38,24	62,06

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)

Nhận xét và giải thích về cơ cấu dân số nước ta giai đoạn 2015 - 2023.

Câu 3 (3,0 điểm):

a) Cho đoạn thông tin:

Sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên phong phú là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp. Các điều kiện kinh tế - xã hội là điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp. Đặc biệt, chính sách mở cửa, thu hút đầu tư nước ngoài của Đảng và Nhà nước đã tạo điều kiện cho ngành công nghiệp Việt Nam tiếp cận với công nghệ hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu.

Từ thông tin trên, hãy xác định và phân tích vai trò của các nhân tố có ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp ở Việt Nam.

b) Phân tích thế mạnh về tự nhiên để phát triển nông - lâm - thủy sản ở Đồng bằng sông Hồng.

Câu 4 (4,0 điểm). Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG BÒ CỦA TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ VÀ TÂY NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2015 – 2023

Đơn vị: Nghìn con

Vùng	Năm	2015	2018	2020	2023
	Trung du miền núi Bắc Bộ		943,1	1 022,7	1 204,6
Tây Nguyên		685,6	771,7	842,9	937,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)

a) Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ gia tăng số lượng bò của Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên giai đoạn 2015 – 2023.

b) Nhận xét và giải thích về tình hình số lượng bò của Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên giai đoạn 2015 – 2023.

-----HẾT-----

Được sử dụng máy tính cầm tay để làm bài;

Không sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam để làm bài.

Họ và tên thí sinh:Số báo danh:

ĐỀ CHÍNH THỨC

MÔN THI: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 150 phút, không kể thời gian giao đề

HƯỚNG DẪN CHẤM THI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (số câu: 12; số điểm: 6,0).

Chọn 01 phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (thí sinh trả lời vào giấy thi, ví dụ: 1-A, 2-B, 3-C...).

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	B	C	D	B	B	B	A	B	B	A	A

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu. Ý	Yêu cầu cần đạt	Điểm
1.a)	Trình bày điểm khác biệt giữa địa hình Đồng bằng sông Hồng với địa hình Đồng bằng sông Cửu Long.	2,0 điểm
	<ol style="list-style-type: none">Về phạm vi 2 đồng bằng:<ul style="list-style-type: none">Đồng bằng sông Hồng là vùng hạ lưu của sông Hồng và sông Thái Bình, thuộc Bắc BộĐồng bằng sông Cửu Long là vùng hạ lưu của sông Mê Kông và các nhánh sông Cửu Long, thuộc miền Nam Việt NamVề nguồn gốc hình thành<ul style="list-style-type: none">Đồng bằng sông Hồng: Được hình thành do phù sa của sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp.Đồng bằng sông Cửu Long: Được hình thành do phù sa của sông Mê Kông và các nhánh sông Cửu Long bồi đắp.Về diện tích<ul style="list-style-type: none">Đồng bằng sông Hồng: Có diện tích nhỏ hơn, khoảng 15.000 km².Đồng bằng sông Cửu Long: Có diện tích lớn hơn, khoảng 40.000 km².Về địa hình<ul style="list-style-type: none">Đồng bằng sông Hồng: Địa hình cao hơn và có nhiều đồi núi sót. Bề mặt địa hình bị chia cắt mạnh, có nhiều vùng trũng ngập nước.Đồng bằng sông Cửu Long: Địa hình thấp và bằng phẳng hơn. Mật độ sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.Về hệ thống sông ngòi<ul style="list-style-type: none">Đồng bằng sông Hồng: Mạng lưới sông ngòi dày đặc.Đồng bằng sông Cửu Long: Mạng lưới kênh rạch chằng chịt.Về hệ thống đê điều<ul style="list-style-type: none">Đồng bằng sông Hồng: Có hệ thống đê điều vững chắc để ngăn lũ.Đồng bằng sông Cửu Long: Không có đê ngăn lũ.Về đặc điểm đất<ul style="list-style-type: none">Đồng bằng sông Hồng: Đất không được bồi đắp phù sa thường xuyên, có nhiều vùng đất bạc màu.Đồng bằng sông Cửu Long: Đất được bồi đắp phù sa thường xuyên, màu mỡ.Về mức độ ngập úng<ul style="list-style-type: none">Đồng bằng sông Hồng: Vùng trong đê ít bị ngập úng.Đồng bằng sông Cửu Long: Diện tích đất bị ngập úng lớn.	

Câu. Ý	Yêu cầu cần đạt	Điểm														
1.b)	<p>Giải thích nhận định sau: Địa hình đa dạng cùng với khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đã tạo nên những đặc điểm tự nhiên của thủy văn Việt Nam.</p> <p>Việt Nam có địa hình đa dạng, bao gồm đồi núi, đồng bằng, sông ngòi, kênh rạch,... Sự đa dạng này cùng với khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đã tác động mạnh mẽ đến đặc điểm thủy văn của nước ta, tạo nên những nét đặc trưng sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Mạng lưới sông ngòi dày đặc <ul style="list-style-type: none"> Địa hình Việt Nam có nhiều đồi núi, tạo độ dốc lớn cho các dòng chảy. Lượng mưa lớn do khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa cung cấp nguồn nước dồi dào cho sông ngòi. Lượng nước lớn, giàu phù sa <ul style="list-style-type: none"> Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa mang lại lượng mưa lớn, trung bình 1.500 - 2.000 mm/năm. Sông ngòi ở Việt Nam, đặc biệt là các sông lớn như sông Hồng, sông Mê Kông, mang theo lượng phù sa lớn. Chế độ nước theo mùa rõ rệt <ul style="list-style-type: none"> Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa phân hóa hai mùa rõ rệt: mùa mưa (tháng 5 - tháng 10) và mùa khô (tháng 11 - tháng 4 năm sau). Chế độ nước sông ngòi cũng thay đổi theo mùa: mùa mưa nước sông dâng cao, mùa khô nước sông cạn. Sông chảy theo 2 hướng chính <ul style="list-style-type: none"> Hướng Tây Bắc – Đông Nam: Dẫn chứng. Hướng vòng cung: Dẫn chứng. 	<p>2,0 điểm</p> <p>6,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>														
2	<p>Nhận xét về cơ cấu dân số nước ta giai đoạn 2015 - 2023</p> <p>- Xử lý số liệu:</p> <p style="text-align: center;">CƠ CẤU DÂN SỐ NƯỚC TA PHÂN THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2015 – 2023</p> <table border="1" data-bbox="323 1216 1294 1458"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Năm</th> <th rowspan="2">Tổng dân số (%)</th> <th colspan="2">Phân theo giới tính</th> </tr> <tr> <th>Dân số thành thị (%)</th> <th>Dân số nông thôn (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2015</td> <td>100</td> <td>33,9</td> <td>66,1</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>100</td> <td>38,1</td> <td>61,9</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Nhận xét về cơ cấu dân số nước ta giai đoạn 2015 - 2023</p> <ol style="list-style-type: none"> Tỷ lệ dân số thành thị tăng lên <ul style="list-style-type: none"> Năm 2015, dân số thành thị chiếm 33,9%, đến năm 2023 tăng lên 38,1%. Mức tăng 4,2% cho thấy quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ. Tỷ lệ dân số nông thôn giảm <ul style="list-style-type: none"> Năm 2015, dân số nông thôn chiếm 66,1%, đến năm 2023 giảm còn 61,9%. Mức giảm 4,2% phản ánh xu hướng dịch chuyển dân cư từ nông thôn ra thành thị. <p>- Giải thích xu hướng biến động cơ cấu dân số</p> <ul style="list-style-type: none"> Quá trình đô thị hóa mạnh mẽ: Sự phát triển của các thành phố, khu công nghiệp và hạ tầng đô thị thu hút lao động từ nông thôn ra thành thị sinh sống và làm việc. Cơ hội việc làm và thu nhập: Thành thị có nhiều cơ hội việc làm, mức sống cao hơn, hấp dẫn người dân di cư từ nông thôn. 	Năm	Tổng dân số (%)	Phân theo giới tính		Dân số thành thị (%)	Dân số nông thôn (%)	2015	100	33,9	66,1	2023	100	38,1	61,9	<p>3,0 điểm</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p>
Năm	Tổng dân số (%)			Phân theo giới tính												
		Dân số thành thị (%)	Dân số nông thôn (%)													
2015	100	33,9	66,1													
2023	100	38,1	61,9													

Câu. Ý	Yêu cầu cần đạt	Điểm
	<ul style="list-style-type: none"> + Chuyển đổi cơ cấu kinh tế: Nền kinh tế chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, làm giảm nhu cầu lao động nông thôn. + Chính sách phát triển đô thị: Nhà nước đầu tư phát triển đô thị, mở rộng các khu công nghiệp, khu đô thị mới, dẫn đến gia tăng dân số thành thị. <p>=> Giai đoạn 2015 - 2023, nước ta tiếp tục quá trình đô thị hóa với tỷ lệ dân số thành thị tăng và dân số nông thôn giảm. Đây là xu hướng tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tuy nhiên cũng đặt ra thách thức về quản lý đô thị, việc làm, nhà ở và môi trường.</p>	
3.a)	<p>Cho đoạn thông tin:</p> <p><i>Sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên phong phú là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp. Các điều kiện kinh tế - xã hội là điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp. Đặc biệt, chính sách mở cửa, thu hút đầu tư nước ngoài của Đảng và Nhà nước đã tạo điều kiện cho ngành công nghiệp Việt Nam tiếp cận với công nghệ hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu.</i></p> <p>Từ thông tin trên, hãy xác định và phân tích vai trò của các nhân tố có ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp ở Việt Nam.</p>	1,5 điểm
	<p>* Học sinh xác định được các nhân tố (kể tên các nhân tố)</p> <p>* Phân tích vai trò:</p> <p>1. Nhân tố tự nhiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng, là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp khai thác và chế biến (ví dụ: than đá, dầu khí, bôxít). - Tài nguyên đất, nước, khí hậu, sinh vật thuận lợi cho sự phát triển nông - lâm - ngư nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. - Sự phân bố tài nguyên trên lãnh thổ tạo ra các thế mạnh khác nhau của các vùng. <p>2. Nhân tố kinh tế - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân cư và lao động: <ul style="list-style-type: none"> + Dân số đông tạo ra thị trường tiêu thụ lớn, thúc đẩy sản xuất công nghiệp phát triển. + Nguồn lao động dồi dào, có khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật, là điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp cần nhiều lao động và công nghệ cao. - Chính sách của Đảng và Nhà nước: <ul style="list-style-type: none"> + Chính sách mở cửa, thu hút đầu tư nước ngoài tạo điều kiện cho ngành công nghiệp Việt Nam tiếp cận với công nghệ hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu. + Chính sách phát triển công nghiệp của nhà nước. - Thị trường: <ul style="list-style-type: none"> + Thị trường tiêu thụ trong nước, và xuất khẩu có tác động lớn đến sự phát triển công nghiệp. - Cơ sở vật chất - kĩ thuật trong công nghiệp và cơ sở hạ tầng: <ul style="list-style-type: none"> + Đây là nhân tố quan trọng trong việc phát triển và phân bố công nghiệp. 	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
3b)	<p>Phân tích thế mạnh về tự nhiên để phát triển nông - lâm - thủy sản ở Đồng bằng sông Hồng.</p>	1,5 điểm
	<p>1. Địa hình và đất đai</p> <ul style="list-style-type: none"> - ĐBSH có địa hình đồng bằng thấp, bằng phẳng, thuận lợi cho canh tác và áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp. 	

Câu. Ý	Yêu cầu cần đạt	Điểm															
	<ul style="list-style-type: none"> - Đất phù sa màu mỡ do sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp, rất thích hợp cho trồng lúa nước và cây công nghiệp ngắn ngày như ngô, đậu tương, khoai. - Vùng ven biển có đất mặn, đất phèn, thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn. Ngoài ra, các vũng, vịnh, đảo và quần đảo tạo điều kiện cho khai thác thủy sản biển. - Một số khu vực có địa hình đồi núi thấp (như Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Ninh Bình) có đất feralit, phù hợp để trồng cây lâm nghiệp và cây ăn quả. <p>2. Khí hậu thuận lợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - ĐBSH nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có nguồn nhiệt và ẩm dồi dào, rất phù hợp cho phát triển đa dạng cây trồng, vật nuôi. - Mùa đông lạnh là điều kiện lý tưởng để phát triển vụ đông thành vụ sản xuất chính với các loại rau, hoa, quả có giá trị kinh tế cao. <p>3. Hệ thống sông ngòi và nguồn nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai hệ thống sông lớn là sông Hồng và sông Thái Bình cung cấp nguồn nước tưới dồi dào cho sản xuất nông nghiệp. - Nhiều ao, hồ, kênh rạch phân bố rộng khắp, thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt như cá, tôm, ếch. - Nguồn nước ngầm khá dồi dào, góp phần bổ sung nước tưới tiêu và sinh hoạt. <p>4. Tài nguyên rừng và phát triển lâm nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặc dù diện tích rừng không lớn như các vùng trung du và miền núi, ĐBSH vẫn có một số khu rừng đặc dụng, rừng ngập mặn ven biển (Nam Định, Thái Bình) có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế biển. - Các khu vực ven biển có thể kết hợp trồng rừng ngập mặn và nuôi trồng thủy sản, tạo hệ sinh thái bền vững. <p>5. Tài nguyên biển và thủy sản</p> <ul style="list-style-type: none"> - ĐBSH có đường bờ biển dài với các tỉnh ven biển như Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, giàu nguồn lợi hải sản, tạo điều kiện thuận lợi cho khai thác và nuôi trồng thủy sản biển. - Nhiều loại hải sản có giá trị kinh tế cao như tôm, cá, cua, sò, giúp phát triển nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. 																
4a)	Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ gia tăng sản lượng bò của Trung du miền núi bắc bộ và Tây Nguyên giai đoạn 2010 – 2023 .	2,0 điểm															
	<p>- Xử lý số liệu:</p> <p style="text-align: center;">TỐC ĐỘ GIA TĂNG SẢN LƯỢNG BÒ CỦA TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ VÀ TÂY NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2010 – 2023 (%)</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>2015</th> <th>2018</th> <th>2020</th> <th>2023</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trung du miền núi Bắc Bộ</td> <td>100,0</td> <td>108,4</td> <td>127,7</td> <td>129,5</td> </tr> <tr> <td>Tây Nguyên</td> <td>100,0</td> <td>112,6</td> <td>122,9</td> <td>136,7</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Vẽ biểu đồ dạng đường. Sai mỗi yếu tố trừ 0,25 điểm.</p>	Năm	2015	2018	2020	2023	Trung du miền núi Bắc Bộ	100,0	108,4	127,7	129,5	Tây Nguyên	100,0	112,6	122,9	136,7	<p>1,0</p> <p>1,0</p>
Năm	2015	2018	2020	2023													
Trung du miền núi Bắc Bộ	100,0	108,4	127,7	129,5													
Tây Nguyên	100,0	112,6	122,9	136,7													
4.b)	Nhận xét và giải thích	2,0 điểm															
	<p>1. Nhận xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng bò của cả hai vùng đều tăng qua các năm từ 2015 đến 2023. - Trung du miền núi Bắc Bộ có số lượng bò lớn hơn Tây Nguyên trong suốt giai đoạn này. 																

Câu. Ý	Yêu cầu cần đạt	Điểm
	<ul style="list-style-type: none"> - Dẫn chứng: <ul style="list-style-type: none"> + Trung du miền núi Bắc Bộ: Tăng từ 943,1 nghìn con (2015) lên 1.221,7 nghìn con (2023), tăng 278,6 nghìn con. + Tây Nguyên: Tăng từ 685,6 nghìn con (2015) lên 937,3 nghìn con (2023), tăng 251,7 nghìn con. - Tây Nguyên có tốc độ gia tăng nhanh hơn so với Trung du miền núi Bắc Bộ: <ul style="list-style-type: none"> + Năm 2023, tổng số bò ở Tây Nguyên đã tăng 36,7% so với năm 2015, trong khi Trung du miền núi Bắc Bộ chỉ tăng 29,5%. + Tốc độ gia tăng của Tây Nguyên đặc biệt cao giai đoạn 2018 - 2023 (từ 112,6% lên 136,7%). <p>2. Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về Trung du miền núi Bắc Bộ: <ul style="list-style-type: none"> + Khu vực này có truyền thống chăn nuôi gia súc lâu đời, đặc biệt là mô hình chăn thả tự nhiên. + Số lượng bò tăng nhờ các chương trình phát triển nông nghiệp và hỗ trợ chăn nuôi từ Nhà nước. + Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng chậm lại sau năm 2020 do giới hạn về quỹ đất chăn thả và chuyển đổi mô hình kinh tế sang trồng rừng, cây công nghiệp. - Về Tây Nguyên: <ul style="list-style-type: none"> + Tây Nguyên có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng thuận lợi cho phát triển chăn nuôi bò theo mô hình trang trại. + Trong những năm gần đây, nhiều doanh nghiệp lớn đầu tư vào chăn nuôi bò thịt, bò sữa tại khu vực này, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng. + Tốc độ gia tăng sản lượng bò của Tây Nguyên vượt Trung du miền núi Bắc Bộ, đặc biệt trong giai đoạn 2020 - 2023, cho thấy sự mở rộng mạnh mẽ của ngành chăn nuôi tại đây. 	
	TỔNG ĐIỂM	20,0

----Hết----

Câu 1 (3,0 điểm)

Tình huống: “Sau khi kết hôn và sống hòa thuận được 5 năm, do việc kinh doanh bị thua lỗ, công việc và thu nhập từ đó không ổn định nên vợ chồng anh N, chị M nảy sinh mâu thuẫn. Anh N thường xuyên chửi mắng, xúc phạm chị M trước mặt các con và hàng xóm. Nhiều lần anh còn có hành vi đánh đập, nhốt chị trong phòng, không cho chị ăn cả ngày. Anh còn tự ý lấy chiếc dây chuyền vàng là quà tặng riêng của bố mẹ chị cho chị trước khi cưới mang đi bán để lấy tiền cá độ bóng đá và tiêu xài cá nhân. Những hành vi của anh N khiến chị M rất đau khổ nên chị đã làm đơn xin li hôn.”

a. Trong tình huống trên, anh N đã có những hình thức bạo lực gia đình nào đối với chị N? Em hãy trình bày nội dung những hình thức bạo lực gia đình đó.

b. Theo em, để phòng chống bạo lực gia đình thì chúng ta cần phải làm những gì?

Câu 2 (5,0 điểm)

“Ngày 30/10/2024, tại tỉnh Thái Nguyên, Tỉnh đoàn, Hội LHTN Việt Nam tổ chức chương trình phát động “Tình nguyện mùa đông năm 2024 và Xuân tình nguyện năm 2025”. Tại chương trình, Ban thường vụ Tỉnh đoàn, Hội LHTN Việt Nam tỉnh Thái Nguyên đã trao tặng nguồn lực trị giá 397.688.888 đồng tới Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên để triển khai các hoạt động hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả sau cơn bão số 3. Hỗ trợ xây dựng 8 nhà bị ảnh hưởng bởi mưa bão, 01 nhà cho nhân dân có hoàn cảnh khó khăn với tổng trị giá 450 triệu đồng; trao tặng địa phương 01 công trình khu thể dục cộng đồng nhà văn hóa cấp xã hỗ trợ hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao; trao tặng 35 suất quà cho 35 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại trường THCS Đồng Liên bị ảnh hưởng bởi mưa bão, mỗi suất trị giá 1.000.000 đồng tiền mặt và quà tặng.”

(Theo trang thông tin điện tử Trung ương Đoàn TNCSHCM, ngày 30/10/2024)

a. Hoạt động trong đoạn thông tin trên đề cập tới nội dung nào trong chương trình GDCC lớp 9 mà em đã được học?

b. Em hãy trình bày hiểu biết của mình về nội dung đó.

c. Là một học sinh, em thấy mình có thể làm gì để góp phần thực hiện và thúc đẩy hoạt động này trong xã hội?

Câu 3 (3,5 điểm)

Ca dao có câu: “Phải trái phân minh, nghĩa tình trọn vẹn”

Câu ca dao trên nhắn gửi đến chúng ta thông điệp gì? Em hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 250 - 300 từ nói về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải?

Câu 4 (5,5 điểm)

Tình huống: Ông T kinh doanh lĩnh vực bất động sản đang gặp khó khăn và cần một khoản tiền lớn để trả nợ ngân hàng. Biết ông P có khoản tiền nhàn rỗi nên ông T đã thuyết phục ông P góp vốn cùng mình đầu tư mua chung một mảnh đất và được ông P đồng ý. Sau khi ông P bàn giao ông T số tiền là 500 triệu đồng, ông T đã dùng số tiền đó để trả nợ ngân hàng. Biết chuyện, mặc dù ông P đã đòi ông T số tiền trên nhiều lần nhưng không được nên ông P đã cùng em trai là ông S bắt giữ ông T và giam vào tầng hầm nhà mình. Sau đó, ông P gọi cho bà G vợ ông T và yêu cầu bà trả hết khoản tiền thì mới thả ông T. Bà G đã thuê anh H và anh K đến nhà ông P và đánh ông P bị trọng thương.

a. Em hãy xác định loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý đối với các chủ thể trong tình huống trên.

b. Em đã dựa trên những dấu hiệu nào để xác định hành vi của những nhân vật trên là hành vi vi phạm pháp luật?

c. Em thấy mình có thể làm gì để góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của những người xung quanh em?

Câu 5 (3,0 điểm)

Tình huống: Trước đây Q là một học sinh giỏi, luôn vui vẻ, hòa đồng với mọi người; năng động, đi đầu trong các hoạt động của trường lớp. Vào đầu năm học lớp 9, một biến cố đã đến với Q, bố mẹ li hôn, Q phải cùng mẹ về quê sống với ông bà ngoại, chuyển đến ngôi trường mới, thầy cô, bạn bè mới. Tại đây, Q đã hoàn toàn thay đổi, trong giờ học Q lơ đãng không tập trung vào bài học khiến kết quả học tập sa sút; ra chơi Q chỉ ngồi một chỗ chơi game ở điện thoại, từ chối tham gia các hoạt động tập thể; về nhà Q chỉ nhốt mình trong phòng không muốn giao tiếp với ai, thậm chí Q còn luôn tức giận, trách móc mẹ vì mẹ đã làm cuộc sống của Q ngày càng tệ đi.

a. Nếu là bạn của Q, em sẽ đưa ra lời động viên, lời khuyên Q như thế nào?

b. Theo em, thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống sẽ có tác động như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta?

c. Để thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống, chúng ta phải làm gì?

HẾT

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

Họ tên thí sinh.....Số báo danh.....

I. Hướng dẫn chung

1. Thí sinh trả lời theo cách riêng (về bố cục và câu chữ) nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản như trong hướng dẫn chấm thì vẫn cho đủ điểm.
2. Thí sinh vận dụng được kiến thức cơ bản từ những tài liệu ngoài SGK thì được khuyến khích cho thêm điểm nhưng không được vượt quá điểm của từng câu và của toàn bài.
3. Sau khi cộng điểm toàn bài để điểm lẻ đến 0,25 điểm.

II. Hướng dẫn chấm chi tiết

\	Nội dung chính	Điểm
Câu 1	<p>Tình huống: “Sau khi kết hôn và sống hòa thuận được 5 năm, do việc kinh doanh bị thua lỗ, công việc và thu nhập từ đó không ổn định nên vợ chồng anh N, chị M nảy sinh mâu thuẫn. Anh N thường xuyên chửi mắng, xúc phạm chị M trước mặt các con và hàng xóm. Nhiều lần anh còn có hành vi đánh đập, nhốt chị trong phòng, không cho chị ăn cả ngày. Anh còn tự ý lấy chiếc dây chuyền vàng là quà tặng riêng của bố mẹ chị cho chị trước khi cưới mang đi bán để lấy tiền cá độ bóng đá và tiêu xài cá nhân. Những hành vi của anh N khiến chị M rất đau khổ nên chị đã làm đơn xin li hôn.”</p> <p>a. Trong tình huống trên, anh N đã có những hình thức bạo lực gia đình nào đối với chị N? Em hãy trình bày nội dung những hình thức bạo lực gia đình đó.</p> <p>b. Theo em, để phòng chống bạo lực gia đình thì chúng ta cần phải làm những gì?</p>	3,0
	<p>a. Trong tình huống trên, anh N đã có những hình thức bạo lực gia đình sau đối với chị M: bạo lực về thể chất, bạo lực về tinh thần, bạo lực về kinh tế.</p> <p>- Nội dung những hình thức bạo lực gia đình đó:</p> <p>+ Bạo lực về thể chất: là hành vi ngược đãi, đánh đập làm tổn thương tới sức khỏe, tính mạng của thành viên gia đình.</p> <p>+ Bạo lực về tinh thần: là những lời nói, thái độ, hành vi làm tổn thương tới danh dự, nhân phẩm, tâm lí của thành viên gia đình.</p> <p>+ Bạo lực về kinh tế: là hành vi xâm phạm tới quyền lợi về kinh tế của thành viên gia đình (quyền sở hữu tài sản, quyền tự do lao động...)</p> <p>b. Để phòng chống bạo lực gia đình thì chúng ta cần phải:</p> <p>- Để phòng tránh bạo lực gia đình: Tôn trọng, bình đẳng, chia sẻ, yêu thương các thành viên trong gia đình, kiểm chế cảm xúc tiêu cực, rời khỏi nơi có nguy cơ xảy ra bạo lực gia đình, nói với người đáng tin cậy để nhờ can thiệp. Không nên dùng lời nói, thái độ tiêu cực để tỏ thái độ thách thức, nhờ người khác can thiệp bằng cách thức tiêu cực.</p> <p>- Khi xảy ra bạo lực gia đình: Cần bình tĩnh, kiểm chế cảm xúc, tìm đường thoát, chủ động nhờ người khác giúp đỡ. Không nên dùng lời nói, thái độ tiêu cực hoặc sử dụng hành vi bạo lực để đáp trả.</p> <p>- Để xử lí hậu quả của bạo lực gia đình: Nên thông báo sự việc với người thân, những người đáng tin cậy, nhờ sự trợ giúp từ bệnh viện, cơ sở tư vấn tâm lí, tổ</p>	0,5 1,0 1,5

	hòa giải... Không nên: giấu giếm, bao che cho đối phương, tự tìm cách giải quyết bằng những biện pháp tiêu cực.	
Câu 2	<p>“Ngày 30/10/2024, tại tỉnh Thái Nguyên, Tỉnh đoàn, Hội LHTN Việt Nam tổ chức chương trình phát động “Tình nguyện mùa đông năm 2024 và Xuân tình nguyện năm 2025”. Tại chương trình, Ban thường vụ Tỉnh đoàn, Hội LHTN Việt Nam tỉnh Thái Nguyên đã trao tặng nguồn lực trị giá 397.688.888 đồng tới Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên để triển khai các hoạt động hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả sau cơn bão số 3. Hỗ trợ xây dựng 8 nhà bị ảnh hưởng bởi mưa bão, 01 nhà cho nhân dân có hoàn cảnh khó khăn với tổng trị giá 450 triệu đồng; trao tặng địa phương 01 công trình khu thể dục cộng đồng nhà văn hóa cấp xã hỗ trợ hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao; trao tặng 35 suất quà cho 35 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại trường THCS Đồng Liên bị ảnh hưởng bởi mưa bão, mỗi suất trị giá 1.000.000 đồng tiền mặt và quà tặng.</p> <p>(Theo trang thông tin điện tử Trung ương Đoàn TNCSHCM, ngày 30/10/2024)</p> <p>a. Hoạt động trong đoạn thông tin trên đề cập tới nội dung nào trong chương trình GD&ĐT lớp 9 mà em đã được học?</p> <p>b. Em hãy trình bày hiểu biết của mình về nội dung đó.</p> <p>c. Là một học sinh, em thấy mình có thể làm gì để góp phần thực hiện và thúc đẩy hoạt động này trong xã hội?</p>	5,0
	<p>a. Hoạt động được đề cập trong đoạn thông tin trên đề cập tới nội dung “Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng” trong chương trình GD&ĐT lớp 9.</p> <p>b. HS trình bày hiểu biết của mình về các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động cộng đồng là những hoạt động được tổ chức bởi các cá nhân, tập thể mang lại lợi ích chung cho cộng đồng. - Một số hoạt động cộng đồng tiêu biểu như: thiện nguyện, nhân đạo; đền ơn đáp nghĩa; bảo vệ môi trường, cảnh quan; phòng, chống tệ nạn xã hội; gìn giữ và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc;... - Ý nghĩa của việc tham gia các hoạt động cộng đồng: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với cá nhân: giúp mở rộng tầm hiểu biết, rèn luyện kỹ năng; có tinh thần trách nhiệm đóng góp công sức và trí tuệ của mình vào công việc chung của tập thể, xã hội; nâng cao giá trị của bản thân và được mọi người yêu mến;... + Đối với cộng đồng: phát huy sức mạnh của các lực lượng xã hội; tạo ra sự kết nối các thành viên trong cộng đồng; xây dựng mối quan hệ đoàn kết, nhân ái, lan toả những giá trị tích cực; góp phần xây dựng đất nước văn minh, giàu mạnh. <p>c. Là một học sinh, để góp phần thực hiện và thúc đẩy hoạt động này trong xã hội thì cần phải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không ngừng học tập, rèn luyện để tích lũy kiến thức, tăng cường hiểu biết. - Nhiệt tình tham gia các hoạt động cộng đồng ở trường, khu dân cư và ngoài xã hội. - Tuyên truyền, vận động mọi người xung quanh tham gia các hoạt động cộng đồng... - Đấu tranh chống lại các hành vi đi ngược lại với lợi ích chung của cộng đồng... 	<p>0,5</p> <p>2,5</p> <p>2,0</p>

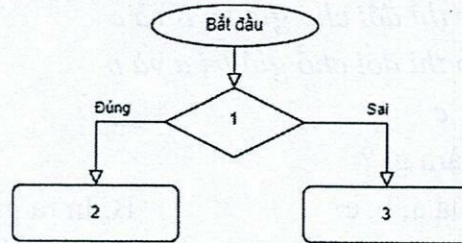
	<p>- Do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện: những người trong tình huống đều là những người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện những hành vi này nên họ phải chịu trách nhiệm pháp lí đối với hành vi vi phạm của mình.</p> <p>- Là hành vi có lỗi: đều là những hành vi có lỗi cố ý.</p> <p>c. Để góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của những người xung quanh em cần:</p> <p>- Tự giác tìm hiểu, nâng cao hiểu biết về pháp luật.</p> <p>- Nâng cao ý thức chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật trong cuộc sống.</p> <p>- Tuyên truyền vận động mọi người thực hiện đúng pháp luật</p> <p>- Phê phán, lên án hành vi vi phạm pháp luật...</p>	2,0
Câu 5	<p>Tình huống: Trước đây Q là một học sinh giỏi, luôn vui vẻ, hòa đồng với mọi người; năng động, đi đầu trong các hoạt động của trường lớp. Vào đầu năm học lớp 9, một biến cố đã đến với Q, bố mẹ li hôn, Q phải cùng mẹ về quê sống với ông bà ngoại, chuyển đến ngôi trường mới, thầy cô, bạn bè mới. Tại đây, Q đã hoàn toàn thay đổi, trong giờ học Q lơ đãng không tập trung vào bài học khiến kết quả học tập sa sút; ra chơi Q chỉ ngồi một chỗ chơi game ở điện thoại, từ chối tham gia các hoạt động tập thể; về nhà Q chỉ nhốt mình trong phòng không muốn giao tiếp với ai, thậm chí Q còn luôn tức giận, trách móc mẹ vì mẹ đã làm cuộc sống của Q ngày càng tệ đi.</p> <p>a. Nếu là bạn của Q, em sẽ đưa ra lời động viên, lời khuyên Q như thế nào?</p> <p>b. Theo em, thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống sẽ có tác động như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta?</p> <p>c. Để thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống, chúng ta phải làm gì?</p>	3,0
	<p>a. Nếu là bạn của Q, em sẽ đưa ra lời động viên, lời khuyên Q như sau:</p> <p>- Việc những biến cố đến với cuộc sống mỗi người là khó tránh khỏi vì vậy ta cần chấp nhận và đối diện khi biến cố đến với mình.</p> <p>- Không nên trách móc mà nên cảm thông và động viên mẹ.</p> <p>- Nên thích ứng dần với cuộc sống mới...</p> <p>b. Thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống sẽ có tác động: Thích ứng được với những sự thay đổi trong cuộc sống sẽ giúp chúng ta vượt qua khó khăn và sự thay đổi của hoàn cảnh, sống phù hợp với hoàn cảnh, không ngừng tự hoàn thiện và phát triển bản thân.</p> <p>c. Để thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống, chúng ta phải:</p> <p>- Chấp nhận sự thay đổi là tất yếu. Thay đổi xảy ra thường nằm ngoài tầm kiểm soát nên thay vì đổ lỗi, tức giận hay lo lắng thì hãy chấp nhận để đối diện và thích ứng ứng.</p> <p>- Giữ bình tĩnh để làm chủ cảm xúc và có thêm thời gian để suy xét vấn đề một cách sáng suốt, tránh vội vàng đưa ra những quyết định sai lầm, gây ảnh hưởng tiêu cực.</p> <p>- Tìm cách giải quyết vấn đề theo hướng tích cực, chuyện gì cũng có cách giải quyết nên cân cân nhắc, tham khảo và tìm hiểu để có cách giải quyết tốt nhất, phù hợp với bản thân và hoàn cảnh.</p>	1,0 0,5 1,5

ĐỀ CHÍNH THỨC

Phần I. Trắc nghiệm (6 điểm)

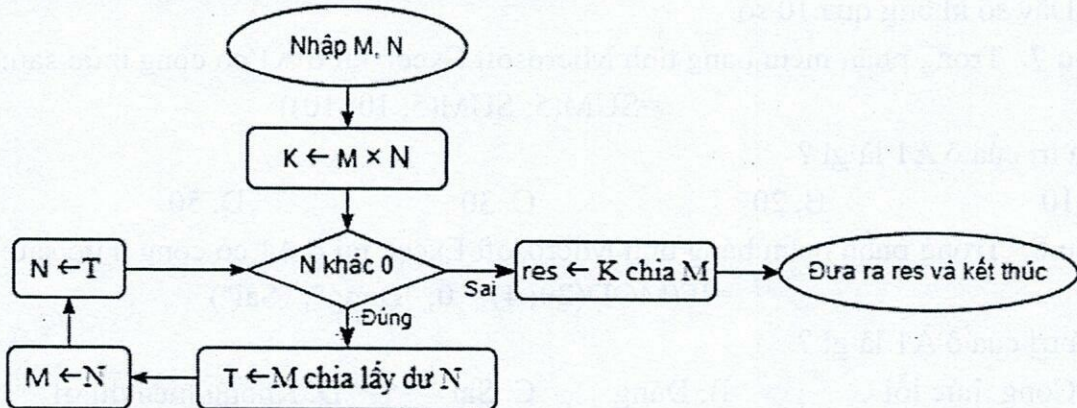
Thí sinh trả lời các câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Phát biểu nào sau đây là đúng với sơ đồ khối như hình bên dưới?



- A. Câu lệnh 2 được thực hiện khi điều kiện 1 sai.
- B. Câu lệnh 2 và 3 không được thực hiện đồng thời.
- C. Câu lệnh 3 được thực hiện khi điều kiện 1 đúng.
- D. Câu lệnh 2 và 3 được thực hiện đồng thời.

Câu 2. Cho sơ đồ khối của thuật toán như hình:



Với dữ liệu vào $M = 26, N = 30$. Cho biết giá trị của res sau khi kết thúc thuật toán.

- A. 2
- B. 390
- C. 780
- D. 0

Câu 3. Cho thuật toán sau:

Bước 1: Nhập 2 số nguyên a, b .

Bước 2: Nếu $a > b$ thì in ra a ngược lại in ra b

Thuật toán trên dùng để làm gì?

- A. In ra giá trị lớn nhất của a, b
- B. In ra giá trị nhỏ nhất của a, b
- C. Sắp xếp dãy a, b thành không tăng
- D. Sắp xếp dãy a, b thành dãy giảm

Câu 4. Cho thuật toán sau:

Bước 1: Nhập n, k và dãy a_1, a_2, \dots, a_n

Bước 2: $i = 1$

Bước 3: Nếu $i > N$ thì sang bước 6

Phần II: Lập trình trên máy tính (14 điểm)

Tổng quan:

Stt	Tên bài	Tệp chương trình	Dữ liệu	Kết quả	Điểm
1	Hình chữ nhật	HCN.*	HCN.inp	HCN.out	5
2	Số nguyên tố lớn nhất	NTM.*	NTM.inp	NTM.out	5
3	Cặp số đẹp	CSD.*	CSD.inp	CSD.out	4

Dấu "*" trong tên tệp chương trình tương ứng với phần mở rộng của ngôn ngữ lập trình được sử dụng (Ngôn ngữ PASCAL, C++ hoặc PYTHON)

Bài 1. Hình chữ nhật (HCN.*)

Cho hai số nguyên dương a và b là 2 cạnh của một hình chữ nhật.

Yêu cầu: Viết chương trình tính chu vi, diện tích và độ dài đường chéo của hình chữ nhật.

Dữ liệu: Đọc từ tệp văn bản **HCN.inp**, gồm một dòng chứa hai số nguyên dương a và b cách nhau một dấu cách ($a, b \leq 10^9$).

Kết quả: Ghi ra tệp văn bản **HCN.out** gồm 3 dòng:

- Dòng 1: ghi chu vi.
- Dòng 2: ghi diện tích.
- Dòng 3: ghi độ dài đường chéo với 2 chữ số phần thập phân.

Ví dụ:

Dữ liệu	Kết quả
3 4	14
	12
	5.00

Ràng buộc:

- 50% số test có $1 \leq a, b \leq 100$.
- 50% số test còn lại không có ràng buộc gì thêm.

Bài 2. Số nguyên tố lớn nhất (NTM.*)

Cho dãy gồm N số nguyên dương a_1, a_2, \dots, a_N . Tìm số nguyên tố lớn nhất trong dãy.

Dữ liệu: đọc từ tệp văn bản **NTM.inp**, gồm các dòng sau:

- Dòng đầu tiên chứa số nguyên dương N ($N \leq 10^5$).
- Dòng thứ hai chứa N số nguyên dương a_1, a_2, \dots, a_N ($a_i \leq 10^6$)

Kết quả: ghi ra tệp văn bản **NTM.out**

- In ra số nguyên tố lớn nhất tìm được. Nếu không có số nguyên tố trong dãy thì in ra -1.

Ví dụ:

Dữ liệu	Kết quả
5	7
2 3 5 7 9	

Ràng buộc:

- 30% số test có $N = 1$.
- 20% số test có $N \leq 10^2$; $a_i \leq 10^3$.
- 50% số test không có ràng buộc gì thêm.

Bài 3. Cặp số đẹp (CSD.*)

Hai số nguyên được gọi là một “Cặp số đẹp” nếu như tổng của chúng bằng giá trị s cho trước. Cho dãy số a_1, a_2, \dots, a_n và số nguyên S . Hãy thực hiện chọn các cặp số trong dãy số, sao cho giá trị của hai số đã chọn a_i, a_j với $i < j$ thỏa mãn $a_i + a_j = s$ là cặp số đẹp.

Yêu cầu: Em hãy lập trình đếm xem trong dãy số đã cho có bao nhiêu cặp số đẹp.

Dữ liệu: đọc từ tệp văn bản **CSD.inp** gồm

- Dòng thứ nhất ghi số nguyên dương n ($n \leq 10^5$) và số nguyên s ($|s| \leq 10^9$).
- Các dòng tiếp theo lần lượt ghi các số a_1, a_2, \dots, a_n ($|a_i| \leq 10^9$).

Kết quả: Ghi ra tệp văn bản **CSD.out** gồm một số nguyên duy nhất là số lượng cặp số hoàn hảo.

Ví dụ:

Dữ liệu	Kết quả
10 7 5 2 5 3 4 3 1 6 4 0	7

Ràng buộc:

- 10% số test thỏa $N = 2$.
- 40% số test thỏa $3 \leq N \leq 500$.
- 50% số test không có ràng buộc gì thêm.

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN ĐỀ 2503

Phần trắc nghiệm:

Câu	Đáp án	Ghi chú
1	B	
2	B	
3	A	
4	C	
5	C	
6	C	
7	C	
8	B	
9	A	
10	B	
11	A	
12	D	